*Ngày soạn:*

*Ngày dạy:*

**BUỔI 1:**

**ÔN TẬP**

**BÀI 6. BÀI HỌC CUỘC SỐNG**

**A. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT**

**I. Năng lực**

**1. Năng lực đặc thù: Ôn tập các đơn vị kiến thức trọng tâm của bài học 6:**

- Nhận biết được một số yếu tố của truyện ngụ ngôn: đề tài, tình huống, cốt truyện, nhân vật, chủ đề; nhận biết được một số yếu tố của tục ngữ: số lượng câu, chữ; vần.Từ đó, làm được các bài tập đọc hiểu GV giao.

- Hiểu được đặc điểm và chức năng của thành ngữ, đặc điểm và tác dụng của biện pháp tu từ nói quá. Từ đó, giải quyết được các bài tập tiếng Việt.

- Bước đầu biết viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống, trình bày rõ vấn đề và ý kiến của người viết; đưa ra lí lẽ rõ ràng và bằng chứng đa dạng.

**2. Năng lực chung:**

**- Tự học:** Tự quyết định cách thức giải quyết nhiệm vụ học tập, tự đánh giá được quá trình và kết quả giải quyết vấn đề học tập của bản thân.

**- Giao tiếp và hợp tác**: Tăng cường sự tương tác với bạn trong tổ nhóm học tập để thực hiện nhiệm vụ một cách tốt nhất.

**- Giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Chủ động đề ra kế hoạch học tập của cá nhân cũng như nhóm học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập, xử lí linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

**II. Phẩm chất**

- Chăm chỉ; tích cực ôn tập.

**B. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị:**Máy vi tính, máy chiếu (hoặc tivi) kết nối mạng.

**2. Học liệu:** Ngữ liệu tác phẩm, phiếu học tập, bài tập đọc hiểu tham khảo.

**C. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC ÔN TẬP**

Phạm Thị Hồng Nhung-lê quý đôn thái bình 0905776101 .

**HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG**

**1. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút sự chú ý của HS vào việc thực hiện nhiệm việc học tập.

**2. Nội dung:** HS chia sẻ suy nghĩ.

**3. Sản phẩm**: Những suy nghĩ, chia sẻ của HS.

**4. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV cho HS báo cáo sản phẩm dự án mà GV đã giao sau khi học xong bài 6 buổi sáng:

**- Nhóm 1, 2: Nhóm Phóng viên:**

**\*Yêu cầu:** Làm video giới thiệu tác giả và tác phẩm có trong bài học 2, ví dụ:

*+ Truyện ngụ ngôn và những bài học cuộc sống...*

*+Truyện ngụ ngôn Ê-dốp và những câu chuyện điển hình?….*

(Có thể tưởng tượng ra cuộc gặp gỡ giữa nhà văn với phóng viên và tiến hành cuộc phỏng vấn).

* **Nhóm 3, 4: Nhóm Hoạ sĩ**  (PP phòng tranh)

**\*Yêu cầu:**

+ Cách 1: Chọn 1 văn bản và vẽ các bức tranh minh hoạ nội dung của văn bản đó.

+ Cách 2: Triển lãm phòng tranh các bức tranh vẽ minh hoạ nội dung các văn bản đã học của bài 2.

**(Nhiệm vụ các nhóm đã được giao trước một tuần sau tiết học buổi sáng)**

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- Các nhóm lần lượt báo cáo sản phẩm dự án của nhóm.

- GV khích lệ, động viên.

**Bước 3: Báo cáo sản phẩm học tập**

- Các nhóm nhận xét sản phẩm của nhóm bạn sau khi nhóm bạn báo cáo.

**Bước 4: Đánh giá, nhận xét**

- GV nhận xét, khen và biểu dương các nhóm có sản phẩm tốt.

 - GV giới thiệu nội dung ôn tập bài 6:

|  |  |
| --- | --- |
| **KĨ NĂNG** | **NỘI DUNG CỤ THỂ** |
| 1. Đọc – hiểu văn bản | **Đọc hiểu văn bản:** - VB1: *Đẽo cày giữa đường* (Ngụ ngôn Việt Nam); - VB2: *Ếch ngồi đáy giếng* (Trang Tử); - VB3: *Con mối và con kiến* (Nam Hương);- VB4: *Một số câu tục ngữ Việt Nam*;- VB5: *Con hổ có nghĩa* (Vũ Trinh)- VB thực hành đọc: *Thiên nga, cá măng và tôm hùm*  (I-van Crư-lốp). |
| **Thực hành tiếng Việt:** Thành ngữ; biện pháp tu từ. |
| 2. Viết | **Viết:**Viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống (trình bày ý kiến tán thành). |

**ÔN TẬP TRUYỆN NGỤ NGÔN**

**A. KIẾN THỨC CƠ BẢN VỀ THỂ LOẠI**

**Câu 1.** So sánh các đặc điểm của truyện ngụ ngôn với truyện thần thoại, truyện cổ tích.

**Câu 2.**Nêu một số đặc điểm riêng của truyện ngụ ngôn.

**Câu 3.** Em hãy nêu những lưu ý khi đọc hiểu một văn bản truyện ngụ ngôn.

**\*GỢI Ý:**

**1. Một số kiến thức chung về thể loại truyện ngụ ngôn**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Yếu tố** | **Trong truyền thuyết** | **Trong truyện cổ tích** | **Trong truyện ngụ ngôn** |
| Đề tài  | Sự kiện, nhân vật lịch sử tái hiện qua văn bản. | Hiện tượng cuộc sống được tái hiện qua văn bản. | Thường là những vấn đề đạo đức hay những cách ứng xử trong cuộc sống. |
| Nhân vật  | - Thường có những đặc điểm khác lạ về lai lịch, tài năng, sức mạnh; thường gắn với các sự kiện lịch sử và có công lớn với cộng đồng, được cộng đồng truyền tụng, tôn thờ. | Thường kể về một số kiểu nhân vật như nhân vật bất hạnh, nhân vật dũng sĩ, nhân vật thông minh,… | Có thể là loài vật, đồ vật hoặc con người. Các nhân vật hầu như không có tên riêng, thường được kể gọi bằng danh từ chung như: rùa, thỏ, bác nông dân,… |
| Sự kiện | Chuỗi sự việc sắp xếp theo một trình tự nhất định và có liên quan chặt chẽ với nhau. | Xoay quanh một sự việc hoặc chuỗi sự việc liên quan đến nhân vật chính theo trình tự thời gian. | Một câu chuyện thường xoay quanh một sự kiện chính. |
| Cốt truyện  | -Thường xoay quanh công trạng, kì tích của các nhân vật, thường sử dụng yếu tố kì ảo làm nổi bật tài năng, sức mạnh của nhân vật, cuối truyện thường nhắc các dấu tích xưa còn lưu lại đến hiện tại. | - Thường sử dụng các yếu tố kì ảo, hoang đường, mở đầu bằng: “Ngày xửa, ngày xưa…” và kết thúc có hậu. | Thường xoay quanh một sự kiện (một hành vi ứng xử, một quan niệm, một nhận thức phiến diện, sai lầm…) nhằm đưa ra bài học hay lời khuyên nào đó. |

**2. Một số yếu tố khác của truyện ngụ ngôn**

|  |  |
| --- | --- |
| **Yếu tố** | **Đặc điểm trong truyện ngụ ngôn** |
| **Tình huống:** | Là tình thế làm nảy sinh câu chuyện khiến nhân vật bộc lộ đặc điểm, tính cách của mình. Qua đó, ý nghĩa câu chuyện được khơi sâu. |
| **Không gian:** | Mà khung cảnh, môi trường hoạt động của nhân vật ngụ ngôn, nơi xảy xa sự kiện câu chuyện. |
| **Thời gian:** | Một thời điểm, một khoảnh khắc nào đó mà sự việc, câu chuyện xảy ra, thường không xác định cụ thể. |

**3. Những lưu ý khi đọc hiểu truyện ngụ ngôn**

- Đọc kĩ văn bản để xác định chủ đề của truyện;

- Nhận diện hình tượng nhân vật chính;

- Phân tích đặc điểm nhân vật, các sự việc tiêu biểu, tình huống truyện để từ đó lĩnh hội tư tưởng, thông điệp được gửi gắm qua Vb, đánh giá được bài học nhận thức, luân lí ngụ ý trong truyện.

- Liên hệ, rút ra bài học có ý nghĩa cho bản thân.

**B. KIẾN THỨC CƠ BẢN VỀ VĂN BẢN**

**\*Hoàn thành phiếu học tập 01: Chia lớp thành 04 nhóm**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tên truyện** | *Đẽo cày giữa đường* **(nhóm 1)** | *Ếch ngồi đáy giếng* **(nhóm 2)** | *Con mối và con kiến, Thiên nga, cá măng và tôm hùm***(nhóm 3)** | *Con hổ có nghĩa* **(nhóm 4)** |
| 1**.** Nhân vật chính |  |  |  |  |
| 2. Các sự kiện chính  |  |  |  |  |
| 3. Nội dung, ý nghĩa |  |  |  |  |
| 4. Đặc sắc nghệ thuật |  |  |  |  |

\*GV hướng dẫn HS chốt các đơn vị kiến thức cơ bản của các văn bản đọc hiểu:

**Văn bản 1: *Đẽo cày giữa đường* (Ngụ ngôn Việt Nam)**

**1. Nhân vật chính:** Người thợ mộc.

**2. Các sự kiện chính:**

- Một người thợ mộc bỏ ra 300 quan tiền mua gỗ về đẽo cày để bán.

- Mỗi lần có khách ghé vào và góp ý về việc đẽo cày, anh ta đều làm theo.

- Cuối cùng, chẳng có ai đến mua cày, bao nhiêu vốn liếng đi sạch.

**3. Nội dung, ý nghĩa truyện:**

- Mượn câu chuyện về người thợ mộc để ám chỉ những người thiếu chủ kiến khi làm việc và không suy xét kĩ khi nghe người khác góp ý.

- Khuyên con người cần phải tự tin, có chính kiến khi làm bất cứ việc gì.

**4. Đặc sắc nghệ thuật:**

- Sử dụng hình ảnh ý nghĩa và gây ấn tượng.

- Kết cấu ngắn gọn, dễ hiểu, ý nghĩa sâu sắc.

**Văn bản 2: *Ếch ngồi đáy giếng* (Trang Tử)**

**1. Nhân vật chính:** con Ếch

**2. Các sự kiện chính:**

- Một con ếch nhỏ ngồi trong một cái giếng sụp nói với con rùa lớn biển đông về thế giới vô cùng sung sướng của mình.

- Ếch mời rùa vô giếng coi cho biết.

- Rùa đút chân không vừa, liền lùi lại và kể cho ếch nghe về thế giới biển mênh mông ngàn dặm.

- Ếch nghe rồi ngạc nhiên, thu mình lại, hoảng hốt, bối rối.

**3. Nội dung, ý nghĩa truyện:**

- Mượn câu chuyện của Ếch để ám chỉ, phê phán những người hiểu biết hạn hẹp mà huênh hoang. Khuyên nhủ chúng ta phải mở rộng tầm hiểu biết, không chủ quan, kiêu ngạo.

**4. Đặc sắc nghệ thuật:**

- Xây dựng chi tiết, hình ảnh gần gũi với đời sống.

 - Cách nói bằng ngụ ngôn, cách giáo huấn tự nhiên, đặc sắc.

 - Cách kể bất ngờ, độc đáo.

**Văn bản 3: *Con mối và con kiến* (Nam Hương)**

**1. Nhân vật chính:** Con mối và con kiến.

**2. Sự kiện chính:**

- Mối gặp kiến đang tha mồi ra giễu cợt và bị kiến "đáp lại" một bài học.

**3. Nội dung, ý nghĩa truyện:**

Từ câu chuyện con mối và con kiến, bài thơ đưa ra lời khuyên: Không nên sống hưởng thụ theo cách phá hoại mà cần chăm chỉ làm ăn để có cuộc sống tốt đẹp, có ý nghĩa.

**4. Đặc sắc nghệ thuật:**

- Sử dụng thể thơ truyền thống, với hình thức đối thoại để nhân vật bộc lộ tính cách.

- Mượn chuyện loài vật để đưa ra lời khuyên răn bổ ích đối với con người.

**Văn bản 4: *Con hổ có nghĩa* (Vũ Trinh)**

**1. Nhân vật chính:**Con hổ

**2. Các sự kiện chính:**

- Con hổ cái khó đẻ được bà đỡ Trần giúp đỡ, thoát nạn, hổ đực trả nghĩa bà đỡ Trần hơn mười lạng bạc..

- Con hổ bị hóc xương được bác tiều giúp, thoát nạn, hổ trả nghĩa bác tiều bằng một con hươu, khi bác chết thì phủ phục, vô cùng xót thương.

**3. Nội dung, ý nghĩa truyện:**

- Qua câu chuyện người giúp hổ, hổ trả ơn người, truyện đã đề cao lòng nhân ái, thủy chung bền chặt; giáo dục lòng biết ơn, khuyên người ta biết trọng ân nghĩa.

**4. Đặc sắc nghệ thuật:**

- Sử dụng chi tiết kì ảo hư cấu; biện pháp tu từ nhân hóa và ẩn dụ;

- Đan xen yếu tố thực và yếu tố kì ảo;

 - Mượn chuyện loài vật để khuyên dạy đạo lí làm người.

**Văn bản 5: *Thiên nga, cá măng và tôm hùm* (I-van Crư-lốp)**

**1. Nhân vật chính:** Thiên nga, cá măng và tôm hùm

**2. Các sự kiện chính:**

- Buổi sáng đẹp trời ba người bạn gồm thiên nga, tôm hùm và cá măng gắng sức kéo xe, nhưng càng kéo xe càng đứng im vì tôm cố đi giật lùi, thiên nga lại kéo bổng lên trời, cá măng lại cố bơi xa. Cuối cùng chiếc xe vẫn nằm im.

**3. Nội dung, ý nghĩa truyện:**

- Bài học về tinh thần đoàn kết, hợp sức.

- Biết đoàn kết, thuận hoà, nhất trí thì việc lớn nhỏ đều thành công. Ngược lại mỗi người mỗi ý, không hợp sức nhất trí thì sẽ thất bại.

**4. Đặc sắc nghệ thuật:**

- Sử dụng thể thơ song thất lục bát hàm súc, dễ thuộc;

- Mượn ý câu tục ngữ, biện pháp tu từ nhân hóa và ẩn dụ;

- Mượn chuyện loài vật để khuyên dạy đạo lí làm người.

*Ngày soạn:*

*Ngày dạy:*

**BUỔI 2:**

**C. LUYỆN ĐỀ NGỮ LIỆU TRONG SGK**

**Văn bản 1: *Đẽo cày giữa đường* (Ngụ ngôn Việt Nam)**

**Đọc kĩ văn bản *Đẽo cày giữa đường*, SGK tr.6 và trả lời câu hỏi:**

**Câu 1.** Quan hệ giữa các phần trong văn bản là quan hệ:

1. Nhân quả. B. Giả thiết.

C. Tăng tiến. D. Nhượng bộ.

**Câu 2.** Em đồng ý với ý kiến nào sau đây? Vì sao?

1. Truyện đả kích sâu cay những kẻ lừa bịp người khác, khiến họ phải làm theo ý mình.
2. Truyện phản ánh cuộc đấu tranh giữa người nhẹ dạ cả tin và kẻ lừa lọc, hãm hại người khác bằng cách giả vờ cho nhận xét, góp ý.
3. Dùng tiếng cười nhẹ nhàng châm biếm, dân gian muốn phê phán những người không có chủ kiến, không suy nghĩ kĩ lưỡng để hành động trước những gióp ý của người khác.

**Câu 3.** So sánh nội dung bài học gửi gắm trong truyện *Đẽo cày giữa đường* với truyện dưới đây:

**TREO BIỂN**

1. Ở một cửa hàng bán cá làm cái biển, đề mấy chữ to tướng:

” Ở đây có bán cá tươi” [1].

Vừa [treo biển](https://truyendangian.com/treo-bien/) lên, có người qua đường xem, cười bảo:

– Nhà này xưa nay quen bá cá ươn [2] hay sao mà bây giờ lại phải đề biển là “bán cá tươi”?

Chủ cửa hàng nghe nói thế, xóa ngay chữ “tươi” đi.

2. Hôm sau, có người khác đến mua cá, cũng nhìn lên biển, cười bảo:

– Người ta chẳng nhẽ đến hàng hoa mua cá hay sao mà phải đề là “ở đây”!

Chủ cửa hàng nghe nói, bỏ ngay hai chữ “ở đây” đi.

3. Cách vài hôm lại có một người khác đến mua cá, cũng nhìn lên biển, cười bảo:

– Ở đây chẳng bán cá thì bầy cá ra để khoe hay sao mà phải đề là “có bán”?

Chủ cửa hàng nghe nói, lại bỏ ngay hai chữ “có bán” đi. Thành ra treo trên biển chỉ còn mỗi một chữ “cá”. Anh ta nghĩ bụng chắc từ bây giờ không còn ai bắt bẻ [3] gì nữa.

4. Vài hôm sau, người láng giềng sang chơi, nhìn lên biển, nói:

– Ôi dào, chưa đi đến đầu phố đã ngửi thấy mùi tanh. Đến gần nhà thấy đầy những cá, ai chẳng biết là bán cá mà còn phải đề biển làm gì?

Thế là nhà hàng cất luôn nốt cái biển đi.

***Truyện cười dân gian Treo biển***
*Nguồn: Kể chuyện 5, trang 66, NXB Giáo dục – 1984*

[1] Tươi: trong câu chuyện muốn nói đến cá mới đánh bắt về, chưa bị biến chất.

[2] Ươn: ở đây ý muốn chỉ cá không còn tươi nữa, bắt đầu biến chất và thường có mùi hôi.

[3] Bắt bẻ: vạch thiếu sót hết điều này đến điều khác để làm khó dễ.

**Câu 4.** Em thử tưởng tượng người thợ mộc và người bán cá gặp nhau thì họ sẽ nói chuyện với nhau những gì?

**\*GỢI Ý ĐÁP ÁN:**

**Câu 1.** Đáp án A.

**Câu 2.** Lựa chọn c) vì a và b không phù hợp ý nghĩa, bài học của câu chuyện.

**Câu 3.**

- Khi nghe người khác góp ý về công việc mình làm, không nên thấy bất cứ ai có ý kiến gì cũng cho là đúng mà vội làm theo ngay, không chịu suy xét kĩ càng, phân biệt điều nên nghe, điều không nên nghe để tự mình chủ động giải quyết công việc của mình cho hợp lí.

- Câu chuyện *Treo biển* trên đây cho ta thấy kết quả của việc cả nghe người khác, đã khiến cho người chủ nhà hàng bán cá có việc làm rất kì khôi là bỏ hẳn tấm biển đi, mà theo lẽ thông thường cửa hàng buôn bán nào cũng phải có.

- Truyện này mang ý nghĩa khá giống với câu chuyện ***Đẽo cày giữa đường***. Đều là những bài học ý nghĩa về việc cả tin nghe theo lời người khác, mà không có chính kiến của mình.

**Câu 4.**HS dựa vào điểm tương đồng về ý nghĩa các chi tiết, cách kết thúc trong hai câu chuyện để tưởng tượng, miễn sao hợp lý, gắn với bài học rút ra, mang ý nghĩa tích cực,…

**Văn bản 2: *Ếch ngồi đáy giếng* (Trang Tử)**

**Đọc kĩ văn bản *Ếch ngồi đáy giếng*, SGK tr.7 và trả lời câu hỏi:**

**Câu 1.** Câu văn nào thể hiện rõ nhất nội dung, ý nghĩa của truyện.

**Câu 2.** Chỉ ra hai cách kết truyện *Ếch ngồi đáy giếng* của Trang Tử với cách kết trong truyện *Ếch ngồi đáy giếng* dưới đây. Em thích cái kết nào hơn, vì sao?

**Ếch ngồi đáy giếng**

 Có một con ếch sống lâu ngày trong một giếng nọ. Xung quanh nó chỉ có vài con nhái, cua, ốc bé nhỏ. Từ dưới đáy giếng nhìn lên, ếch ta chỉ thấy một khoảng trời bé bằng cái vung. Nó nghĩ: Tất cả vũ trụ chỉ có vậy, vì thế ếch tự coi mình là chúa tể. Hằng ngày nó cất tiếng kêu ồm ộp làm vang động cả giếng, khiến các con vật kia rất hoảng sợ. Ếch cứ tưởng bầu trời trên đầu chỉ bé bằng chiếc vung và nó thì oai như một vị chúa tể.

 Một năm nọ, trời mưa to làm nước trong giếng dềnh lên, tràn bờ, đưa ếch ta ra ngoài.

 Quen thói cũ, ếch nhâng nháo nhìn lên trời, nó bỗng thấy cả một bầu trời rộng lớn hơn nhiều so với cái khoảng trời nó vẫn thấy. Ếch ta không tin và thấy bực bội vì điều đó. Để ra oai, nó cất tiếng kêu ồm ộp. Vị chúa tể hy vọng là sau những tiếng kêu của mình, mọi thứ phải trở lại như cũ. Nhưng bầu trời vẫn là bầu trời. Còn con ếch vì mải nhìn lên trời đã không chú ý đến xung quanh nên đã bị một con trâu đi qua dẫm bẹp.

**Câu 3.**Từ hai câu chuyện trên, em thấy con ếch thường được dùng làm biểu tượng cho kiểu người nào trong xã hội?

**Câu 4.** Bên cạnh thành ngữ *ếch ngồi đáy giếng*, em còn biết có thành ngữ nào khác có ý nghĩa tương tự?

**\*GỢI Ý ĐÁP ÁN:**

**Câu 1.** Câu văn thể hiện rõ nhất nội dung, ý nghĩa của truyện: "*Không vì thời gian ngắn hay dài mà thay đổi, không vì mưa nhiều hay ít mà tăng hay giảm, đó là cái vui lớn của biển đông*".

**Câu 2.**

**-** Cách kết truyện *Ếch ngồi đáy giếng* của Trang Tử: Ếch nhận ra bài học, thức tỉnh nhận thức…

- Cách kết trong truyện *Ếch ngồi đáy giếng* dưới đây: Bị trâu giẫm chết.

- Em thích cái kết nào hơn, vì sao: HS tự bộc lộ, lí giải hợp lí, thuyết phục.

**Câu 3.**Con ếch thường được dùng làm biểu tượng cho kiểu người nông cạn, thiếu hiểu biết trong xã hội.

**Câu 4.**Bên cạnh thành ngữ *ếch ngồi đáy giếng*, còn có thành ngữ khác có ý nghĩa tương tự: *coi trời bằng vung*.

**Văn bản 3: *Con mối và con kiến* (Nam Hương)**

**Đọc kĩ văn bản *Con mối và con kiến*, SGK tr.8 và trả lời câu hỏi:**

**Câu 1.** Tìm những từ ngữ thể hiện thái độ của con mối và con kiến. Qua những từ ngữ ấy, tác giả muốn thể hiện điều gì?

**Câu 2.** Chỉ ra sự khác nhau trong hình thức kể chuyện của truyện *Con mối và con kiến* với các truyện *Đẽo cày giữa đường* và *Ếch ngồi đáy giếng*.

**Câu 3.** Thủ pháp nào được sử dụng để làm nổi bật đặc điểm của hai con: con mối và con kiến?

**Câu 4.** Hình ảnh con mối và con kiến để chỉ kiểu người nào trong xã hội?

**\*GỢI Ý ĐÁP ÁN:**

**Câu 1.** Những từ ngữ thể hiện thái độ của:

- Con mối: *các chú, tội tình gì lao khổ lắm thay, khắp ngày, thân thể vẫn gầy thế kia, chúng ta đây, chẳng hề khó nhọc, nhà cao cửa rộng, tủ hòm thiếu đâu* -> trịch thượng, kẻ cả, khinh thường, giễu cợt, mỉa mai, chủ quan.

- Con kiến: các anh chẳng vun thu xứ sở, đi đời các anh, -> thẳng thắn phê phán khuyên nhủ.

**Câu 2.** Truyện *Con mối và con kiến*: kể lại bằng thơ song thất lục bát; các truyện *Đẽo cày giữa đường* và *Ếch ngồi đáy giếng* kể lại bằng văn xuôi.

**Câu 3.** Thủ pháp được sử dụng để làm nổi bật đặc điểm của hai con: con mối và con kiến là thủ pháp đối lập và nhân hoá.

**Câu 4.** Hình ảnh con mối: ăn hại, tàn phá, có hạicho đời; con kiến: đoàn kết, cần cù, dựng xây, có ích.

**Văn bản 4: *Con hổ có nghĩa* (Vũ Trinh)**

**Đọc kĩ văn bản *Con hổ có nghĩa*, SGK tr.14 và trả lời câu hỏi:**

**\*Câu hỏi trắc nghiệm:**

**Câu 1:** Ý nghĩa của truyện là gì?

A. Truyện đề cao tình cảm thủy chung giữa con người với con người.

B. Truyện đề cao tình cảm giữa con người với loài vật.

C. Truyện đề cao cái nghĩa và khuyên con người biết tôn trọng ân nghĩa.

D. Truyện ca ngợi phẩm chất tốt đẹp của loài vật.

**Câu 2:** Truyện "Con hổ có nghĩa" thuộc thể loại:

A. truyện cổ tích dân gian Việt Nam.

B. truyện trung đại Việt Nam.

C. truyện cười dân gian Việt Nam.

D. truyện ngụ ngôn Việt Nam.

**Câu 3:** Thủ pháp nghệ thuật cơ bản nào bao trùm truyện "Con hổ có nghĩa"?

A. Hoán dụ

B. Ẩn dụ

C. Nhân hóa, ẩn dụ

D. Nhân hóa, hoán dụ

**Câu 4:** Con hổ đã trả nghĩa bà đỡ Trần như thế nào?

A. Hổ đực đào lên từ gốc cây một thỏi bạc và tặng bà đỡ.

B. Hai vợ chồng hổ thường mang tặng bà đỡ một vài con nai.

C. Hổ đực dẫn bà đỡ ra khỏi rừng.

D. Hổ đực tặng bà đỡ một thùng vàng to.

**Câu 5:** Vật mà con hổ tặng đã giúp được gì cho bà đỡ?

A. Chữa khỏi bệnh cho con bà đỡ.

B. Giúp bà sắm một số vật dụng trong nhà.

C. Giúp bà cầm cự qua một năm mất mùa, đói kém.

D. Giúp bà làm nghề tốt hơn.

**Câu 6:** Truyện "Con hổ có nghĩa" nhằm mục đích gì?

A. Đề cao tình cảm thủy chung giữa con người với nhau

B. Đề cao cái nghĩa và khuyên con người luôn biết trọng ân nghĩa

C. Đề cao tình cảm giữa loài vật với con người

D. Ca ngợi phẩm chất tốt đẹp của loài vật

**Câu 7:** Truyện "Con hổ có nghĩa" đã:

A. Mượn chuyện loài vật để nói chuyện con người.

B. Mượn chuyện con người để nói chuyện con người.

C. Mượn chuyện loài vật để nói chuyện loài vật.

D. Mượn chuyện con người để nói chuyện loài vật.

**Câu 8:** Chi tiết nào thể hiện rõ nhất cái nghĩa của con hổ thứ nhất?

A. Hổ đực cầm tay bà đỡ nhìn hổ cái, nhỏ nước mắt.

B. Hổ đực đùa giỡn với hổ con mới sinh.

C. Bà đỡ Trần đỡ đẻ cho hổ.

D. Hổ đực tặng bạc cho bà đỡ.

**Câu 9:** Trong truyện, khi được bác tiều phu cứu sống, con hổ trắng đã tạ ơn bác bằng cách nào?

A. Con hổ chỉ cho bác tiều phu những nơi nhiều củi.

B. Hổ đem dê lợn đến để ngoài cửa nhà bác tiều.

C. Con hổ tặng cho bác tiều phu một thỏi bạc trắng.

D. Con hổ tặng cho bác tiều phu một con nai.

**Câu 10:** Chuyện con hổ thứ hai so với truyện con hổ thứ nhất có thêm ý nghĩa gì?

A. Đền ơn ngay người đã giúp mình.

B. Đền ơn khi ân nhân còn sống.

C. Đền ơn trong nhiều năm.

D. Đền ơn mãi ngay cả khi ân nhân đã chết.

**\*Câu hỏi tự luận:**

Nêu cảm nghĩ của em sau khi đọc xong truyện "Con hổ có nghĩa".

**\*GỢI Ý ĐÁP ÁN:**

**\*Câu hỏi trắc nghiệm:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 - C | 2 - B | 3 - C | 4 - A | 5 - C | 6 - B | 7 - A | 8 - A | 9 - D | 10 - D |

**\*Câu hỏi tự luận:**

**1) Mở bài**

- "Con hổ có nghĩa" của tác giả Vũ Trinh là một truyện ngụ ngôn được lưu truyền rộng rãi trong dân gian.

- Nội dung mượn chuyện loài vật để đề cao đạo lí ân nghĩa của loài người.

**2) Thân bài**

**a. Câu chuyện thứ nhất: Hổ đực nhờ bà đỡ Trần đỡ đẻ cho hổ cái**

- Bà đỡ Trần nhà ở huyện Đông Triều, nổi tiếng đỡ đẻ mát tay.

- Một đêm, hổ đực tới nhà, cõng bà chạy vào rừng sâu, nhờ bà đỡ đẻ cho hổ cái.

- Hổ đực trả ơn bà:

+ Trả bằng mười lạng bạc.

+ Sau này nhờ số bạc đó, bà đỡ Trần sống qua cảnh mất mùa đói kém.

**b. Câu chuyện thứ hai: Hổ trán trắng và bác tiều phu**

- Bác tiều phu đang đốn củi ở sườn núi thì nhìn thấy dưới chân núi, cỏ cây lay động không ngớt.

- Bác xuống xem, thì ra hổ trán trắng bị hóc xương nên đau đớn giãy giụa.

- Bác lấy xương ra giúp hổ.

- Hổ trả ơn:

+ Hôm sau, hổ cõng một con nai để ngay trước cửa nhà bác, đền ơn cứu mạng.

+ Mười năm sau, bác tiều phu chết, hổ đến tận mộ vĩnh biệt.

+ Năm nào cũng vậy, cứ đến ngày giỗ bác tiều phu là hổ lại mang lễ vật tới viếng.

**c. Ý nghĩa của truyện**

- Tưởng tượng ra hai con hổ sống có nghĩa có tình đến như vậy là tác giả có mục đích giáo huấn rõ ràng: loài vật đã vậy, loài người phải sống ra sao cho đúng đạo làm người.

**3) Kết bài**

**-** Truyện "Con hổ có nghĩa" giáo huấn đạo đức bằng hình tượng nghệ thuật sinh động nên nhẹ nhàng, dễ tiếp thu.

-Bài học đúc kết từ truyện là đề cao lòng biết ơn và nhắc nhở con người phải sống cho có tình có nghĩa.

**Văn bản 5: *Thiên nga, cá măng và tôm hùm* (I-van Crư-lốp)**

**Đọc kĩ VB *Thiên nga, cá măng và tôm hùm* (I-van Crư-lốp) để trả lời câu hỏi:**

**Câu 1.** Văn bản đã thuật lại những sự việc chính nào?

A. Thiên nga, cá măng và tôm hùm đi chơi.

B. Thiên nga, cá măng và tôm hùm cùng kéo một xe hàng.

C. Thiên nga, cá măng và tôm hùm đi bơi thuyền.

D. Thiên nga, cá măng và tôm hùm đi ngắm cảnh.

**Câu 2.** Câu nào sau đây thể hiện rõ nhất bài học được gửi gắm trong văn bản?

A. Làm việc gì cũng cần nhất trí,/Có thuận hoà mới dễ thành công,

B. Cùng nhau kéo một xe hàng,/Cả ba gắng sức – xe càng đứng im.

C. Cho hay dù việc cỏn con,/ Mà không nhất trí thì còn hỏng to.

D. Còn như lục đục, dù đông/ Mỗi người một phách, chớ hòng việc trôi.

**Câu 3.** Em đồng tình với ý kiến nào sau đây?

A. Truyện phê phán những kẻ ích kỉ, hẹp hòi, chỉ biết sống dựa vào người khác.

B. Truyện khuyên mỗi người cần đoàn kết, thuận hoà, hợp sức khi làm việc tập thể.

C. Truyện ca ngợi tinh thần ra sức làm việc của thiên nga, cá măng và tôm hùm.

D. Truyện chia sẻ với nỗi vất vả kéo xe mà không hiệu quả của thiên nga, cá măng và tôm hùm.

**\*GỢI Ý ĐÁP ÁN:**

**Câu 1.B; Câu 2.A; Câu 3.B**

*Ngày soạn:*

*Ngày dạy:*

**BUỔI 3:**

**D. LUYỆN ĐỀNGỮ LIỆU NGOÀI SGK**

\*GV hướng dẫn HS thực hành các đề ngữ liệu về truyện ngụ ngôn ngoài SGK:

**ĐỀ SỐ 1**

**Đọc văn bản và thực hiện các yêu cầu:**

**ẾCH NGỒI ĐÁY GIẾNG**

*Có một con ếch sống lâu ngày trong một cái giếng nọ. Xung quanh chỉ có vài con nhái, cua, ốc bé nhỏ. Hằng ngày, nó cất tiếng kêu ồm ộp làm vang động cả giếng, khiến các con vật kia rất hoảng sợ. Ếch cứ tưởng bầu trời bé bằng cái vung và nó thì oai như một vị chúa tể1.*
*Một năm nọ, trời mưa to làm nước dềnh lên, tràn bờ, đưa ếch ra ngoài.*

*Quen thói cũ, ếch nghênh ngang đi lại khắp nới và cất tiếng kêu ồm ộp. Nó nhâng nháo đưa mắt lên nhìn bấu trời, chả thèm để ý đến xung quanh nên đã bị một con trâu đi qua dẫm bẹp.*

 (In trong *Tổng tập văn học dân gian người Việt*, tập 10, *Truyện ngụ ngôn*, Nguyễn Xuân Kính (Chủ biên), NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 2003).

\***Chú giải:**

(1)*Chúa tể (chủ tể):*Kẻ có quyền lực cao nhất, chi phối những kẻ khác.

**\*Câu hỏi đọc hiểu:**

**Câu 1**. Văn bản trên thuộc loại truyện gì?

**Câu 2**. Khi sống dưới giếng, ếch như thế nào? Khi lên bờ ếch như thế nào?

**Câu 3**. Chỉ ra các biện pháp tu từ được sử dụng trong văn bản trên và nêu tác dụng của nó.

**Câu 4.** Câu chuyện trên để lại cho em bài học gì?

**\*Câu hỏi viết đoạn:** Em hãy viết một đoạn văn ngắn (khoảng 5 đến 7 câu) trình bày suy nghĩ của mình về tác hại của tính tự phụ.

**Gợi ý làm bài đề số 1:**

**\*Câu hỏi đọc hiểu:**

**Câu 1**. Văn bản trên thuộc loại truyện ngụ ngôn.
**Câu 2**. Khi sống dưới giếng, ếch thấy trời chỉ là cái vung con và mình oai như một vị chúa tể. Khi lên bờ, ếch nhâng nháo nhìn trời, chả thèm để ý đến xung quanh và bị trâu giẫm bẹp.
**Câu 3.** Biện pháp ẩn dụ, tượng trưng: Ếch tượng trưng cho con người. Giếng, bầu trời tượng trưng cho môi trường sống và sự hiểu biết của con người.

**Câu 4.** Câu chuyện trên để lại cho ta bài học về tính tự cao, tự đại và giá trị của sự hiểu biết. Tự cao, tự đại có thể làm hại bản thân. Sự hiểu biết của con người là hữu hạn, vì vậy điều quan trọng nhất trong cuộc sống là phải thường xuyên học hỏi và khiêm nhường.

**\*Câu hỏi viết đoạn:**

**\*Hình thức:** đảm bảo về số câu, không được gạch đầu dòng, không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp. Hành văn trong sáng, trôi chảy.

**\*Nội dung:**

**-Mở đoạn:** giới thiệu vấn đề: Tác hại của tính tự phụ.

**-Thân đoạn:**

**+Giải thích:** "Tự phụ": Kiêu căng, ảo tưởng về bản thân, xem mình luôn là nhất, là đúng, mà coi thường mọi người xung quanh.

**+Tác hại:**Thật sự rất tai hại cho một người tự phụ sống trong tập thể. Bản chất chẳng xem ai ra gì rất dễ bị ngưòi khác ghét bỏ, không mến trọng. Do tự xem mình là tài giỏi nên chẳng quan tâm gì đến cách làm của ngưòi khác, sẽ không học hỏi được những bài học quý báu, dẫn đến tầm nhìn hạn hẹp, rất khó để có thể phát triển và vươn ra xa hơn.

+**Dẫn chứng**: Có thể lấy luôn dẫn chứng trong truyện *Ếch ngồi đáy giếng.*

**+Bài học:**Chúng ta cần phải biết tự tin để khẳng định mình, và phát triển thêm tư duy sáng tạo của mình, nhưng cũng không nên tự phụ, cần phải biết khiêm tốn học hỏi, những điều đó mới thực sự đem lại cho cuộc đời của chúng ta những điều có ý nghĩa và đem lại một cuộc sống hạnh phúc nhất cho mỗi người.

**ĐỀ SỐ 2**

**Đọc văn bản và thực hiện các yêu cầu:**

**THẦY BÓI XEM VOI**

 *Nhân buổi ế hàng, năm ông thầy bói1 ngồi nói chuyện gẫu2 với nhau.*

 *Thầy nào cũng phàn nàn không biết hình thù con voi nó ra thế nào. Chợt nghe người ta nói có voi đi ngang qua voi đi qua, năm ông thầy bói chung nhau tiền biếu người quản voi3, xin cho voi dừng lại để cùng xem. Thầy thì sờ vòi, thầy thì sờ ngà, thầy thì sờ chân, thầy thì sờ tai, thầy thì sờ đuôi.*

 *Đoạn năm thầy ngồi bàn tán với nhau*

 *Thầy sờ vòi của voi bảo:*

 *- Ttưởng con voi nó thế nào, hóa ra nó sun sun như con đỉa.*

 *Thầy sờ ngà voi thì lại phán:*

 *- Không phải! Nó chần chẫn như cái đòn càn4.*

 *Thầy sờ tai bảo:*

 *– Đâu có! Nó bè bè cái quạt thóc5*

 *Thầy sờ chân voi cãi:*

 *- Ai bảo! Nó sừng sững như cái cột đình.*

 *Thầy sờ đuôi lại nói:*

 *- Các thầy nói sai cả. Chính nó tua tủa6 như cái chổi sể7 cùn.*

 *Năm ông, thầy nào cũng cho mình nói đúng, không ai chịu ai, thành xa xô xát, đánh nhau toác đầu chảy máu.*

(In trong *Tổng tập văn học dân gian người Việt*, tập 10, *Truyện ngụ ngôn*, Nguyễn Xuân Kính (Chủ biên), NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 2003).

**\*Chú giải:**

(1) *Thầy bói:* người làm nghề đoán những việc lành dữ cho người khác (theo mê tín). Nhân vật thầy bói trong những câu chuyện dân gian thường bị mù.

(2) *Chuyện gẫu:* nói chuyện linh tinh cho qua thời gian.

*(3) Quản voi*: người trông nom và điều khiển voi.

*(4)Đòn càn*: đòn làm bằng đoạn tre nguyên cả ống, đẽo vát hai đầu cho thon lại để xóc những bó củi, rơm rợ,..mà gánh.

*(5) Quạt thóc:* loại quạt lớn bằng tre phất vải, dùng để quạt cho thóc lép và bụi bay đi, tách khỏi thóc chắc.

*(6) Tua tủa*: từ gợi tả dáng chĩa ra không đều của nhiều vật cứng, nhọn, gây cảm giác ghê sợ

*(7) Chổi sể:* chổi quét sân, thường làm bằng nhánh cây thanh hao

**\*Câu hỏi đọc hiểu:**

**Câu 1.** Xác định phương thức biểu đạt chính và thể loại của văn bản.

**Câu 2.** Năm ông thầy bói xem voi trong hoàn cảnh nào? Điểm đặc biệt của năm ông thầy bói trong văn bản.

**Câu 3.**Hãy nêu cách thầy bói xem voi và phán về voi. Thái độ của các thầy bói khi phán về voi như thế nào?

**Câu 4.** Năm thầy bói đều đã được sờ voi thật, mỗi thầy đã nói được một bộ phận của voi, nhưng không thầy nào nói đúng về con vật này. Sai lầm của họ là ở chỗ nào?

**Câu 5.** Truyện ngụ ngôn "Thầy bói xem voi" cho ta bài học gì?

**\*Câu hỏi viết đoạn:** Viết đoạn văn (5 đến 7 câu) bày tỏ suy nghĩ của em về việc biết lắng nghe ý kiến của người khác.

**Gợi ý làm bài đề số 2**

**\*Câu hỏi đọc hiểu:**

**Câu 1:**- Phương thức biểu đạt chính: Tự sự.

 -Thể loại: Truyện ngụ ngôn.

**Câu 2:**

- Hoàn cảnh: *nhân buổi ế hàng, năm ông thầy bói góp tiền để thuê một con voi xem hình thù của nó ra sao?*

- Đặc biệt của năm ông:

+ đều bị mù;

+ đều muốn biết hình thù con voi.

**Câu 3:**

- Cách các thầy bói xem voi:
+ Vì mù nên họ không thấy được cả con voi mà mỗi người chỉ sờ được một bộ phận của voi nhưng họ đều tưởng đã biết tất cả về voi.
+ Khi họ phán về những bộ phận của voi mà họ sờ được đều rất đúng, họ đã dùng lối so sánh ví von để diễn tả về bộ phận mà họ đã sờ được. Để tả về voi như cái chổi sể cùn, như con đỉa, như cái cột đình, như cái quạt thóc.
 - Thái độ của các thầy khi phán về voi:
+ Ai cũng quả quyết ý kiến của mình là đúng, không chấp nhận ý kiến của người khác.
+ Tranh cãi quyết liệt, cuối cùng dẫn đến xô xát đánh nhau toác đầu, chảy máu.

**Câu 4:**

+ Sai lầm của các thầy bói là chỉ sờ thấy bộ phận mà không nhìn thấy toàn thể.

+ Chủ quan trong việc nhận thức sự vật hiện tượng, tự cho là mình đúng, như vậy họ không chỉ mù mắt mà còn mù về phương pháp đánh giá, mù về sự nhận thức.

**Câu 5:**

+ Truyện giúp cho chúng ta bài học về cách nhìn nhận, đánh giá trong cuộc sống: Phải nhìn nhận sự việc ở phương diện tổng thể, chứ không nên lấy cái bộ phận, đơn lẻ thay cho toàn thể.
+ Phải biết lắng nghe ý kiến của người khác, không nên bảo thủ, cố chấp cho mình là đúng.
+ Muốn đánh giá một sự việc hiện tượng được chính xác cần phải có sự kết hợp nhiều yếu tố tai nghe, mắt thấy...

**\*Câu hỏi đọc hiểu:** HS viết đoạn văn theo yêu cầu đề bài:

**\*Hình thức:** đảm bảo về số câu, không được gạch đầu dòng, không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp; hành văn trong sáng, trôi chảy.

**\*Nội dung:**

**- MĐ:** Giới thiệu vấn đề nghị luận: ý nghĩa của sự lắng nghe trong cuộc sống.

**- TĐ:
 + Giải thích:*Lắng nghe*** là quá trình tập trung tiếp nhận âm thanh một cách chủ động có chọn lọc, đi kèm với phân tích thông tin và đưa ra phản hồi thích hợp với những gì họ tiếp nhận.

 **+ Ý nghĩa:**

 \*Trong công việc: Lắng nghe giúp ta học hỏi kinh nghiệm, thấu hiểu tâm tư tình cảm, tính cách, sở thích, thói quen của đồng nghiệp, khách hàng, đối tác và những người xung quanh; đối với các nhà lãnh đạo, kỹ năng lắng nghe sẽ giúp họ thấu hiểu nhân viên của mình, tạo được sự gắn kết và tăng hiệu quả làm việc.

 \*Trong cuộc sống: Lắng nghe giúp nâng cao kỹ năng giao tiếp của bạn đối với những người xung quanh, xây dựng và phát triển quan hệ; lắng nghe giúp con người hiểu nhau để thân thiết, gắn bó và tin tưởng hơn.

 \*Dẫn chứng về sự lắng nghe: Học sinh trong giờ học tập trung lắng nghe giáo viên giảng bài để hiểu bài và nắm vững kiến thức của bài giảng.

(*Học sinh tự lấy dẫn chứng từ đời sống thực tế hàng ngày hoặc trên sách báo...*)

 **+ Bài học nhận thức và hành động**: Trong cuộc sống, sự lắng nghe có vai trò rất quan trọng. Luôn biết lắng nghe và thấu hiểu đó là điều quan trọng trong cách hoàn thiện nhân cách cá nhân, xã hội, tạo nên những giá trị to lớn trong cuộc sống, văn hóa.

**- KĐ:** Khái quát, khẳng định lại vai trò ý nghĩa quan trọng của sự lắng nghe trong cuộc sống.

**ĐỀ SỐ 3**

**Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu:**

**THỎ VÀ RÙA**

*Ngày xưa, thỏ lúc nào cũng cười mũi con rùa về sự chậm chạp. Nhưng rùa thì dằn lòng trước sự khoe khoang của thỏ.*

 *Một hôm, trước đông đủ bá thú, rùa thách thỏ chạy thi. Thỏ trả lời:*

* *Đừng có đùa! Bạn không biết là tôi có thể chạy cả chục vòng quanh bạn hay sao.*

 *Rùa mỉm cười:*

* *Không cần nhiều lời. Muốn biết ai nhanh thì cứ việc thi.*

 *Thế là trường đua được vạch ra. Con cáo làm trọng tài. Nó hú ba tiếng là cuộc thi bắt đầu.*

 *Thoắt một cái, con thỏ đã biến mất. Con rùa cứ chậm chạp bước theo. Các thù khác ở dọc đường cổ võ1.*

 *Một lúc sau, thỏ đứng lại đợi rùa, nhân tiện diễu2 chơi cho bõ ghét. Đợi một lúc mà rùa vẫn chưa tới. Thỏ vừa thiêm thiệp vừa lẩm bẩm:*

* *Ta cứ chợp mắt một tí trên bãi cỏ này. Khi trời mát xuống, ta sẽ chạy tiếp cũng chẳng muộn gì!*

 *Thế rồi nó dạng chân, duỗi tay, nhắm mắt ngủ ngon lành. Một lúc sau, con rùa ì ạch bò tới.*

 *Nó bò qua chỗ con thỏ đang ngủ say, rồi đến được mức cuối. Tiếng reo hò náo nhiệt.*

 *Lúc đó, con thỏ vừa mở mắt. Biết mình thua cuộc, thỏ xấu hổ trốn vào rừng.*

 (158 *Truyện ngụ ngôn Aesop*, Phan Như Huyên, 1995,<http://sites.google.com/sites/158truyenngungonaseop/131---150>)

\***Chú giải:**

(1)*cổ võ:* tác động, khích lệ tinh thần, làm cho hăng hái, phấn chấn và hoạt động tích cực hơn lên.

(2)*diễu:* chế nhạo, làm cho đối phương thấy hổ thẹn.

**\*Câu hỏi đọc hiểu:**

**Câu 1:** Xác định phương thức biểu đạt chính và ngôi kể của văn bản.

**Câu 2:** Đề tài của văn bản trên là gì?

**Câu 3:** Xác định nhân vật, không gian, thời gian, tình huống của truyện?

**Câu 4:** Em hãy lí giải vì sao con rùa chạy chậm hơn mà lại chiến thắng thỏ trong cuộc thi chạy?

**Câu 5:** Câu chuyện trên đem đến cho chúng ta bài học gì?

**\*Câu hỏi viết đoạn:** Sau khi đọc truyện *Thỏ và rùa*, một số bạn cho rằng, việc rùa thắng thỏ là khó xảy ra trong thực tế (nếu không phải vậy thì đã chẳng có câu: “chậm như rùa”). Các bạn khác lại cho rằng việc rùa thắng thỏ là xứng đáng và rất thuyết phục. Em đồng ý với ý kiến nào? Vì sao?(Trả lời dưới hình thức một đoạn văn dài 5-7 câu)

**\*Câu hỏi viết bài:** Người ta có thể rút ra nhiều bài học khác nhau từ một truyện ngụ ngôn. Hãy làm sáng tỏ điều đó qua truyện ngụ ngôn *Ếch ngồi đáy giếng* và *Thầy bói xem voi*.

**Gợi ý làm bài đề số 3**

**\*Câu hỏi đọc hiểu:**

**Câu 1:** Phương thức biểu đạt chính: Tự sự

 Ngôi kể: ngôi thứ ba.

**Câu 2: Đề tài:** Thất bại và sự kiêu ngạo, chủ quan.

**Câu 3:**

* Nhân vật: thỏ và rùa (loài vật).
* Không gian: Trong khu rừng, nơi có nhiều loài vật sinh sống.
* Thời gian: Ngày xưa (không xác định cụ thể).
* Tình huống truyện: Bị thỏ chê là chậm chạp, rùa thách thỏ chạy thi trước sự chứng kiến của bá thú. Thỏ ỷ mình chạy nhanh, xem thường đôí thủ nên thua cuộc; rùa chăm chỉ chạy hết sức mình nên đã chiến thắng.
* Các yếu tố mang đặc điểm của truyện ngụ ngôn.

**Câu 4:** Con rùa chạy chậm hơn mà lại chiến thắng thỏ trong cuộc thi chạy vì:

 + Con rùa chăm chỉ, cần mẫn, tự tin, nhẫn nại nên dù chậm, mệt con rùa vẫn không dừng lại -> rùa về đích sớm hơn.

 + Con thỏ chạy nhanh nhưng kiêu ngạo, chủ quan, ỷ lại, trên đường đua còn mải ngủ nên đã thua cuộc.

**Câu 5:** Bài học rút ra từ câu chuyện:

* Sự chăm chỉ, cần mẫn, tự tin có thể làm nên chiến thắng. Chậm mà chắc, tự biết sức mình còn hơn nhanh mà ỷ lại, kiêu ngạo; cần phải biết người, biết ta.

**\*Câu hỏi viết đoạn:** Gợi ý: Bình luận về hai ý kiến:

+ Ý kiến thứ nhất: việc đồng nhất nhân vật thỏ, rùa trong truyện ngụ ngôn (thường được hư cấu, phóng đại,…) với hình ảnh thỏ, rùa ngoài đời thực là sai lầm.

+ Việc cho rằng rùa thắng thỏ là “xứng đáng và rất thuyết phục” nhưng lại không nói rõ trong truyện ngụ ngôn *Thỏ và rùa* hay trong đời thực là không chặt chẽ; không đưa ra lí lẽ, bằng chứng nên chưa thuyết phục.

+ Kết luận có thể đưa ra theo hướng: Đồng tình với ý kiến thứ hai nhưng đưa ra thêm lí lẽ, bằng chứng và diễn đạt sao cho chặt chẽ hơn.

**\*Câu hỏi viết bài:** Gợi ý **DÀN BÀI**

**a. Mở bài:**

       – Người xưa thường gửi gắm vào truyện ngụ ngôn những bài học có ý nghĩa nhân sinh sâu sắc.

       – Ý nghĩa khái quát vẫn là tính chất nổi bật nhất của truyện ngụ ngôn.

**b. Thân bài:**

       – Chứng minh bằng một số truyện ngụ ngôn đã học.

       + Truyện*Ếch ngồi đáy giếng:*

       – Tóm tắt nội dung.

       – Ý nghĩa: Mượn chuyện loài vật để kín đáo, bóng gió nói đến chuyện loài người. Phê phán cách nhìn đời thiển cận, chủ quan và nêu ra tác hại không thể tránh khỏi của cách nhìn ấy.

       + Truyện *Thầy bói xem voi:*

       – Tóm tắt nội dung.

       – Ý nghĩa: Không dừng ở mức chế giễu để chọc cười, mua vui mà chủ yếu là phê phán cách tìm hiểu, nhận thức về sự vật sơ sài, phiến diện, dẫn đến cách đánh giá chủ quan sai lầm. Đồng thời chỉ trích những kẻ hiểu biết nông cạn lại hay làm ra vẻ thông thái.

**c. Kết bài:**

       – Truyện ngụ ngôn Việt Nam chứa đựng ý nghĩa giáo dục rất thâm thuý.

       – Đọc ngụ ngôn để soi mình và tự sửa mình cho hoàn thiện hơn.

**BÀI LÀM THAM KHẢO**

        Người xưa thường gửi gắm vào truyện ngụ ngôn những bài học có ý nghĩa nhân sinh thiết thực và sâu sắc. Đọc một truyện ngụ ngôn nào đó, chúng ta có thể rút ra nhiều bài học khác nhau, tuỳ theo trình độ cảm nhận và hoàn cảnh của mỗi cá nhân. Tuy vậy, tính chất khái quát vẫn là đặc điểm nổi bật của truyện ngụ ngôn.

        Nội dung truyện ngụ ngôn *Ếch ngồi đáy giế*ng có thể tóm tắt như sau: Vì sống lâu trong một cái giếng hẹp nên con ếch cứ tưởng bầu trời trên đầu chỉ bằng cái vung. Xung quanh nó là một số loài vật nhỏ bé. Mỗi lần ếch cất tiếng kêu ồm ộp vang động cả giếng, mọi vật đều sợ hãi cho nên nó cảm thấy mình oai phong như một vị chúa tể. Một năm nọ, trời mưa to làm cho nước giếng tràn đầy, đẩy ếch ra ngoài. Nó nhảy nhót khắp nơi. Quen thói cũ, nó nhâng nháo đưa mắt nhìn lên bầu trời, chẳng thèm để ý gì đến xung quanh nên đã bị một con trâu đi qua giẫm bẹp.

       Cốt truyện đơn giản nhưng có đủ diễn biến, tình tiết và nhân vật. Con ếch cũng có tâm lí giống như con người. Tại sao con ếch lại suy nghĩ thiển cận như vậy? Ấy là do nó sống lâu ngày dưới đáy một cái giếng nhỏ nên từ đó nhìn lên, nó chỉ thấy bầu trời bé tí như cái vung. Ngày nào cũng thế nên nó đinh ninh bầu trời chỉ to bằng ngần ấy mà thôi.

       Ngoài cái đáy giếng quen thuộc ra, con ếch chưa biết đến một môi trường sống nào khác, một thế giới nào khác. Cho nên tầm nhìn, tầm hiểu biết của nó bị hạn chế là lẽ đương nhiên, không đáng trách. Điều đáng trách là thái độ chủ quan, kiêu ngạo, tự cho mình là giỏi giang hơn tất cả và nhận thức của mình là chân lí. Đến lúc rơi vào môi trường sống hoàn toàn mới lạ và rộng lớn, nó vẫn không thay đổi nhận thức, vẫn cho rằng mình là chúa tể, chẳng thèm để ý gì đến xung quanh. Rốt cục, ếch bị một con trâu đi qua giẫm bẹp.

       Truyện ngụ ngôn *Ếch ngồi đáy giếng* mượn chuyện loài vật để bóng gió, kín đáo nói về chuyện của loài người. Từ cách nhìn nhận, đánh giá thế giới bên ngoài chỉ qua cái miệng giếng nhỏ hẹp của chú ếch, các tác giả dân gian ngầm phê phán những kẻ trình độ hiểu biết hạn hẹp, nông cạn nhưng lại hay tỏ vẻ ta đây. Đồng thời, truyện cũng ngầm khuyên nhủ mọi người nên cố gắng mở rộng tầm nhìn, tầm hiểu biết; không nên chủ quan, kiêu ngạo. Đừng để thiên hạ đánh giá mình là loại: *Ếch ngồi đáy giếng*.

       Truyện ngụ ngôn *Thầy bói xem vo*i đề cập đến cách nhận thức sự vật trong thế giới xung quanh. Nội dung truyện như sau: Năm thầy bói mù ế khách ngồi tán gẫu. Thầy nào cũng phàn nàn là chưa được thấy voi bao giờ. Tình cờ lúc ấy nghe người ta nói voi sắp đi qua, năm thầy bàn nhau hùn tiền biếu quản tượng để được xem voi. Vì mù nên các thầy “xem” bằng tay. Mỗi thầy sờ vào một bộ phận của voi. Thầy sờ vòi ; thầy sờ ngà ; thầy sờ tai ; thầy sờ chân ; thầy sờ đuôi.

       Voi đi rồi, các thầy ngồi tranh luận về hình dáng con voi. Mỗi thầy nói lên cảm nhận riêng của mình. Thầy sờ vòi cho rằng voi sun sun giống như con đỉa. Thầy sờ ngà bảo voi chần chẫn như cái đòn càn. Thầy sờ tai khăng khăng voi bè bè giống cái quạt thóc. Thầy sờ chân thì dứt khoát là voi sừng sững như cái cột đình. Thầy sờ đuôi khẳng định voi tun tủn như cái chổi sể cùn. Càng tranh cãi càng hăng, không thầy nào chịu nhường thầy nào. Cuối cùng, họ lao vào đánh nhau đến toác đầu chảy máu.

       Người xưa thật hóm hỉnh khi tạo ra tình huống năm thầy bói mù cùng xem một con vật khổng lồ là con voi. Các bộ phận của nó ở cách xa nhau (vòi, ngà, tai, chân, đuôi) ; mà mỗi thầy chỉ sờ được có một thứ cho nên mới dẫn đến cuộc đấu khẩu bất phân thắng bại.

       Tục ngữ có câu :*Trăm nghe không bằng một thấy*. Trăm thấy không bằng một sờ. Ở đây, các thầy đều đã sờ voi tận tay. Vậy thì còn sai vào đâu được?! Do vậy nên thầy nào cũng cho rằng nhận xét của mình là đúng nhất. Khổ nỗi, nó chỉ đúng với bộ phận mà mỗi thầy sờ được chứ không đúng với cả con voi. Sự vật thì chỉ có một (con voi), mà các thầy tưởng tượng ra tới năm hình dáng khác nhau xa. Điều đáng cười nhất là họ không nhận ra được bản chất của sự vật (yếu tố khách quan) mà cứ cố sống cố chết khẳng định nhận thức của mình mới là chân lí (chủ quan), cả năm thầy đều chung một cách nhận xét về con voi rất phiến diện: dùng bộ phận để khái quát toàn thể sự vật.

       Ý nghĩa của truyện không dừng ở mức hài hước, trào lộng để mua vui. Cao hơn thế, các tác giả dân gian muốn phê phán sự mù mờ trong nhận thức của không ít người. Bài học bổ ích chứa đựng trong truyện chính là : Trong cuộc sống, sự vật nào, vấn đề nào bản thân chưa hiểu biết tường tận, thấu đáo thì chớ nên bày tỏ ý kiến một cách nông nổi, hồ đồ. Muốn có được một nhận xét chính xác thì phải tìm hiểu toàn diện, kĩ càng. Những hiểu biết sơ sài, nông cạn, những suy đoán chủ quan, thiếu thực tế chỉ dẫn đến nhận thức lệch lạc, sai lầm mà thôi. Ngoài ra, truyện còn ngầm chỉ trích loại người có trình độ hiểu biết thấp kém nhưng lại hay làm ra vẻ ta đây thông thái. Ý nghĩa này được gói gọn trong câu thành ngữ: *Thầy bói xem vo*i.

       Ý nghĩa của các truyện ngụ ngôn trong kho tàng ngụ ngôn Việt Nam vừa phong phú vừa thấm thìa. Đọc truyện ngụ ngôn, suy ngẫm kĩ, ta sẽ thấy mình trong đó. Đọc để hiểu thêm về bản thân, về mọi người quanh ta, từ đấy có hướng sửa chữa những thói hư, tật xấu và tự hoàn thiện nhân cách nhằm đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của xã hội.

*Ngày soạn:*

*Ngày dạy:*

**BUỔI 4:**

**ĐỀ SỐ 4**

**Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi:**

***Hai người bạn đồng hành và con gấu***

 *Có hai* *người bạn đương1 đi trong rừng thì một chú gấu nhảy ra vồ. Tình cờ, người đi trước túm được một cành cây và ẩn mình trong đám lá. Người kia không biết trông cậy vào đâu, đành nằm bẹp xuống đất, mặt vùi trong cát. Gấu đến gần dí mõm vào tai người này ngửi, ngửi mãi,… Nhưng cuối cùng, gấu hú lên một tiếng, lắc đầu rồi lững thững bỏ đi, vì gấu không ăn những con vật chết. Bấy giờ, người trên cây trèo xuống gặp bạn, cười và nói rằng: “Ông Gấu thì thầm gì với cậu điều gì đó?”*

 *“Ông ấy bảo tớ rằng”, người kia nói, “không nên tin vào những kẻ bỏ mặc bạn bè trong cơn hoạn nạn”*

 (In trong *Truyện ngụ ngôn Ê-dốp,*

Phạm Khải Hoàn dịch, NXB Văn học, 2013)

**\*Chú giải:**

*(1)Đương:* đang

**\*Câu hỏi đọc hiểu:**

**Câu 1:** Văn bản trên được viết theo phương thức biểu đạt chính nào?

**Câu 2:** Chỉ ra những nhân vật xuất hiện trong văn bản.

**Câu 3:** Xác định tình huống hiểm nghèo trong văn bản. Tình huống đó có tác dụng gì trong việc bộc lộ tính cách nhân vật?

 **Câu 4:** Em hiểu thế nào về lời khuyên: *“Không nên tin vào những kẻ bỏ mặc bạn bè trong cơn hoạn nạn”*

 **Câu 5:** Bài học rút ta từ văn bản trên.

**\*Câu hỏi viết đoạn:**Em hãy viết đoạn văn nghị luận (độ dài khoảng 7-10 dòng) trình bày quan niệm về một người bạn tốt.

**Gợi ý làm bài đề số 4**

**\*Câu hỏi đọc hiểu:**

**Câu 1:** Phương thức biểu đạt chính: Tự sự

**Câu 2:** Những nhân vật xuất hiện trong văn bản: Hai người bạn và con gấu

**Câu 3:** Tình huống hiểm nghèo: Con gấu nhảy ra vồ khi hai người bạn đang đi trong rừng

* Tình huống truyện làm bộc lộ hành động “bỏ bê” bạn bè trong cơn hoạn nạn của một trong hai nhân vật. Từ đó bộc lộ bản chất không tốt của nhân vật đó trong tình bạn này.
* Tình huống làm cho bài học của câu chuyện trở nên rõ ràng, thấm thía hơn.

**Câu 4:** - Người bỏ rơi ta trong lúc hoạn nạn là người không quan tâm đến sự an nguy của ta trong lúc khó khăn, hoạn nạn.

* Người bỏ rơi ta trong lúc hoạn nạn là người chỉ biết đến sự an toàn, lợi ích của bản thân mình.

**Câu 5:** Bài học rút ra từ văn bản:

* Trước tình huống cụ thể, cần nhận diện được bạn tốt, bạn chưa tốt.
* Cách ứng xử thông minh trước các tình huống nguy hiểm.

**\*Câu hỏi viết đoạn:**

**\*Hình thức:** đảm bảo về số câu, không được gạch đầu dòng, không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp; hành văn trong sáng, trôi chảy;

**\*Nội dung:**

* Giải thích thế nào là người bạn tốt, tình bạn tốt.
* Biểu hiện của người bạn tốt, tình bạn tốt.
* Vai trò của ngươi bạn tốt, tình bạn tốt.
* Phê phán những người không coi trọng tình bạn, bỏ mặc bạn bè trong lúc khó khăn.
* Bài học nhận thức và hành động.

**ĐỀ SỐ 5**

**Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu:**

 **Chó sói1 và chiên con2**

*Kẻ mạnh, cái lẽ vốn già,
Chuyện này tức khắc giải ra rõ ràng

Dòng suối trong, Chiên đang giải khát
Dạ trống không, Sói chợt đến nơi
Đói, đi lảng vảng kiếm mồi
Thấy Chiên, động dại bời bời thét vang:
Sao mày dám cả gan vục mõm
Làm đục ngầu nước uống của ta?
Tội mày phải trị không tha!
Chiên con sửng sốt thưa qua mấy lời:
Xin bệ hạ hãy nguôi cơn giận
Xét lại cho tường tận kẻo mà...
Nơi tôi uống nước quả là
Hơn hai chục bước cách xa nơi này
Chẳng lẽ kẻ hèn này có thể
Khuấy nước ngài uống phía nguồn trên
Con quái ác lại gầm lên:*

*Chính mày khuấy nước! Ai quên đâu là
Mày có nói xấu ta năm ngoái...
Nói xấu ngài? Tôi nói xấu ai?
Khi tôi còn chửa ra đời?
Hiện tôi đang bú mẹ tôi rành rành
Không phải mày thì anh mày đó
Quả thật tôi chẳng có anh em
Thế thì một mống nhà chiên
Quân bay có đứa nào kiềng sói đâu!
Chiên, chó, người, cùng nhau một thói
Họ mách ta, ta phải báo cừu!

Dứt lời, tha tận rừng sâu
Sói nhai Chiên nhỏ, chẳng cầu đôi co.*

(In trong *Ngụ ngôn chọn lọc La Phông-ten*,

 truyện *Chó sói và chiên* con, Tú Mỡ dịch, NXB Văn học, 1985)

\***Chú giải:**

*(1) Chó sói:* chó rừng mõm nhọn, đuôi rậm, chuyên bắt thú khác để ăn thịt.

*(2) Chiên con:* cừu non

\***Câu hỏi đọc hiểu:**

**Câu 1:** Xác định phương thức biểu đạt chính và ngôi kể trong văn bản**.**

**Câu 2:** Chỉ ra những nhân vật xuất hiện trong văn bản.

**Câu 3:** Xác định tình huống trong truyện. Tình huống ấy có tác dụng như thế nào trong việc thể hiện đặc điểm nhân vật?

**Câu 4:** Qua cuộc đối thoại giữa chó sói và chiên con, em có nhận xét gì về hai nhân vật này?

**Câu 5:** Văn bản gửi gắm đến cho chúng ta bài học gì?

\***Câu hỏi viết đoạn và viết bài:**

**Câu 1.**Em hãy viết đoạn văn (5 đến 7 câu) nêu cảm nhận của mình về câu chuyện *Chó sói và chiên con.*

**Câu 2.**Trong hai văn bản *Chó sói và chiên con* (La Phông-ten), *Chó sói và cừu non* (Ê-dốp),em thích văn bản nào hơn? Vì sao?Viết một đoạn văn (khoảng 4 đến 5 câu) nêu cảm nhận của em về văn bản ấy.

**Câu 3.**"Người ta có thể rút ra nhiều bài học khác nhau từ một truyện ngụ ngôn". Hãy làm sáng tỏ điều đó qua truyện ngụ ngôn *Hai người bạn đồng hành và con gấu; Chó sói và chiên con.*

**Gợi ý làm bài đề số 5**

\***Câu hỏi đọc hiểu:**

**Câu 1:**

- Phương thức biểu đạt chính: Tự sự.

- Ngôi kể: Ngôi thứ ba.

**Câu 2:** Nhân vật: chó sói và chiên con => loài vật.

**Câu 3:** Tình huống truyện:*Một con sói đang đói bụng, lại gặp chiên con đang ra suối uống nước bèn bịa ra đủ các lí do để ăn thịt chiên => bộc lộ lối “lí sự cùn” và sự tàn ác của kẻ mạnh.*

Tình huống thể hiện bản chất tàn ác, hành xử bất công của nhân vật chó sói.

**Câu 4:**

* Chó sói: hiện thân cho kẻ mạnh, kẻ bạo tàn, để thoả mãn nhu cầu (cơn đói) của mình, sẵn sàng bịa đặt, vu khống, bắt nạt, giết hại kẻ yếu. Trong trường hợp này nói chân lí thuộc về kẻ mạnh hay “kẻ mạnh cái lẽ vốn già” thực ra để nói sẽ không có lẽ phải, đạo lí nào cả.
* Chiên con: hiện thân cho sự vô tội, sự thật, lẽ phải nhưng là kẻ yếu, bị kẻ mạnh ức hiếp, vùi dập, hãm hại

=>Sự đối lập giữa hai nhân vật khiến người nghe, người đọc bất bình, căm ghét cái xã hội mà ở đó kẻ mạnh hiện thân cho các aác hoành hành.

**Câu 5:** Hãy coi chừng, “kẻ mạnh” thường chà đạp chân lí, đạo lí một cách tàn bạo, bất công.

=> khi gặp những kẻ mạnh đó nên cân nhắc và thận trọng lựa chọn cách ứng xử.

\***Câu hỏi viết đoạn:**

**Câu 1.**Đoạn văn cần đảm bảo các yêu cầu:

  **- Hình thức:** đảm bảo về số câu, không được gạch đầu dòng, không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp; hành văn trong sáng, cảm xúc chân thành;

  **- Nội dung:**  Cảm nhận về nội dung, nghệ thuật, thông điệp của tác phẩm.

**Tham khảo**

Truyện "*Chó sói và chiên con"* được viết dưới dạng thơ, các câu ngắn gọn, dễ hiểu và dễ nhớ. Qua câu chuyện, chúng ta thấy được sự độc ác, hung hăng của con sói. Hình ảnh con sói tượng trưng cho những kẻ xấu trong xã hội, ý mạnh hiếp yếu để thỏa mãn lợi ích cá nhân. Đồng thời bạn đọc thương cảm sâu sắc với chú chiên con nhút nhát, yếu đuối đã bị sói ăn thịt. Câu chuyện đáng nhớ trên đã đem lại cho người đọc bài học đáng quý về thói xấu trong xã hội.

**Câu 2.**Trong hai văn bản *Chó sói và chiên con (La Phông-ten), Chó sói và cừu non (Ê-dốp),* em thích văn bản nào hơn? Vì sao? Viết một đoạn văn (khoảng 4 đến 5 câu) nêu cảm nhận của em về văn bản ấy.

**\*MĐ:** Nêu được cảm nhận về truyện ngụ ngôn mà em thích

**\*TĐ:** Làm sáng tỏ lí do yêu thích:

- Nội dung:

+ Nêu được khái quát nội dung của truyện ngụ ngôn

+ Nêu được khái quát tình huống truyện, khái quát về nhân vật (truyện em thích có đặc điểm gì đặc sắc, ấn tượng so với truyện còn lại).

 + Bài học mà em rút ra từ câu chuyện.

- Nghệ thuật:

+ Nêu được cách thể hiện các yếu tố của truyện ngụ ngôn

+ Cách triển khai diễn biến sự kiện.

 Ưu thế của việc kể bằng thơ (*Chó sói và chiên con)*, kể bằng văn xuôi (*Chó sói và cừu non).*

**\*KĐ:** Khẳng định tác phẩm mình yêu thích.

**Câu 3.**"Người ta có thể rút ra nhiều bài học khác nhau từ một truyện ngụ ngôn". Hãy làm sáng tỏ điều đó qua truyện ngụ ngôn *Hai người bạn đồng hành và con gấu; Chó sói và chiên con.*

**a. Mở bài:**

       – Người xưa thường gửi gắm vào truyện ngụ ngôn những bài học có ý nghĩa nhân sinh sâu sắc.

       – Ý nghĩa khái quát vẫn là tính chất nổi bật nhất của truyện ngụ ngôn.

**b. Thân bài:**

       – Chứng minh bằng một số truyện ngụ ngôn đã học.

* Truyện*Hai người bạn đồng hành và con gấu:*

       – Tóm tắt nội dung.

 + Trong tình huống hiểm nghèo (con gấu bất ngờ xuất hiện):

 .) Người đi trước túm lấy cành cây và trốn trong đám lá -> chỉ lo đến sự an nguy của mình, bỏ bê sự an nguy của người bạn đồng hành

 .)Người còn lại không biết trông cậy vào đâu nên nằm xuống đất, mặt vùi trong cát

* Tình huống truyện làm bộc lộ hành động “bỏ bê” bạn bè trong cơn hoạn nạn của hai nhân vật. Từ đó bộc lộ bản chất không tốt của nhân vật đó trong tình bạn này.
* Tình huống làm cho bài học của câu chuyện trở nên rõ ràng, thấm thía hơn.

       – Bài học: Không nên tin vào những kẻ bỏ mặc mọi người trong cơn hoạn nạn.

* Truyện *Chó sói và chiên con:*

       – Tóm tắt nội dung.

 + Hoàn cảnh nảy sinh cuộc đối thoại:

 .) Mở đầu là lời khái quát nội dung: “Kẻ mạnh, cái lẽ vốn già”

* Đây là một lời khái quát, đồng thời gợi sự tò mò cho người đọc, xem cái lẽ của kẻ mạnh thực chất là như thế nào trong đoạn trích.

 .) Tiếp theo, tác giả khái quát ngữ cảnh: chiên con đang uống nước ở bờ suối và bị một con sói đói đang đi kiếm mồi bắt gặp => Cuộc gặp gỡ này sẽ bộc lộ lĩ lẽ của kẻ mạnh mà tác giả đã khái quát như thế nào? => kết cấu chặt chẽ.

 .) Truyện xây dựng theo kết cấu đối thoại -> góp phần làm nổi đặc điểm, tính cách nhân vật.

+ Diễn biến cuộc đối thoại (lời buộc tội của sói và lời tranh biện của chiên con)(Phân tích cuộc đối thoại)

+ Qua cuộc đối thoại, ta thấy:

.) Chó sói: hiện thân cho kẻ mạnh, kẻ bạo tàn, để thoả mãn nhu cầu (cơn đói) của mình, sẵn sàng bịa đặt, vu khống, bắt nạt, giết hại kẻ yếu. Trong trường hợp này nói chân lí thuộc về kẻ mạnh hay “kẻ mạnh cái lẽ vốn già” thực ra để nói sẽ không có lẽ phải, đạo lí nào cả.

.) Chiên con: hiện thân cho sự vô tội, sự thật, lẽ phải nhưng là kẻ yếu, bị kẻ mạnh ức hiếp, vùi dập, hãm hại

=>Sự đối lập giữa hai nhân vật khiến người nghe, người đọc bất bình, căm ghét cái xã hội mà ở đó kẻ mạnh hiện thân cho các aác hoành hành.

 + **Bài học:** Hãy coi chừng, “kẻ mạnh” thường chà đạp chân lí, đạo lí một cách tàn bạo, bất công.

=> khi gặp những kẻ mạnh đó nên cân nhắc và thận trọng lựa chọn cách ứng xử..

**c. Kết bài:**

       – Truyện ngụ ngôn chứa đựng ý nghĩa giáo dục rất thâm thuý.

       – Đọc ngụ ngôn để soi mình và tự sửa mình cho hoàn thiện hơn.

**ĐỀ SỐ 6**

**Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu:**

**Chuyện bó đũa**

 *Ngày xưa, có ông lão nông dân nọ rất thông minh. Ông rất buồn vì thấy trong gia đình, các con ông hay cãi cọ với nhau. Ông cố khuyên nhủ, nhưng vô ích.*

 *Một hôm, nằm trên giường bệnh, ông gọi các con lại. Ông buộc đũa thành một bó, để trước mặt con. Sau đó, ông truyền cho mỗi đứa đến bẻ bó đũa làm đôi, nhưng không đứa nào bẻ nổi. Cuối cùng, ông cởi bó đũa ra, đưa cho mỗi đứa một chiếc. Ai nấy bẻ gẫy dễ dàng.*

 *Mấy đứa con nhìn nhau, không biết người cha có ý nói gì. Ông già nghiêm nghị bảo:*

* *Các con yêu dấu! Bây giờ các con còn đoàn kết như bó đũa này thì không kẻ thù nào làm hại được các con. Nhưng nếu các con cứ chia rẽ và cãi vã, thì các con sẽ sớm bị tiêu diệt1.*

(*158 Truyện ngụ ngôn Aesop*, Phan Như Huyên, 1995, <http://sites.google.com/sites/158truyenngungonaseop/131---150>)

\***Chú giải:**

*(1) tiêu diệt*: làm cho chết hoặc mất khả năng hoạt động.

\***Câu hỏi đọc hiểu:**

**Câu 1.**Xác định phương thức biểu đạt chính và ngôi kể của văn bản.

**Câu 2**. Xác định nội dung của văn bản.

**Câu 3**. Xác định tình huống trong truyện. Tình huống ấy có tác dụng như thế nào trong việc thể hiện đặc điểm nhân vật?

**Câu 4.**Bài học rút ra từ văn bản?

**Câu 5.**Em có suy nghĩ gì về hình ảnh người cha trong câu chuyện trên ?

\***Câu hỏi viết đoạn:**

Viết đoạn văn ngắn (7-10 dòng) bày tỏ suy nghĩ của em về ý nghĩa của tinh thần đoàn kết.

**Gợi ý làm bài đề số 6**

\***Câu hỏi đọc hiểu:**

**Câu 1: -** Phương thức biểu đạt chính: Tự sự.

 - Ngôi kể: ngôi thứ ba.

**Câu 2:** Nội dung của văn bản: Qua câu chuyện về bó đũa, người cha muốn khuyên nhủ các con của mình về sự đoàn kết.

**Câu 3:** Tình huống truyện: Người cha đưa cho các con cả bó đũa yêu cầu bẻ làm đôi, không ai có thể bẻ gãy; sau lại đưa cho các con từng chiếc đũa riêng lẻ để họ bẻ gãy dễ dàng. Từ chuyện bó đũa, ông khuyên các con đoàn kết, thương yêu để không bao giờ bị tiêu diệt.

* Tác dụng:

+ Thể hiện sự từng trải, khôn khéo của người cha trong việc mượn sự yêu ớt của chiếc đũa và sức mạnh của bó đũa đề khuyên dạy con.

+ Thể hiện bài học một cách giản dị, thuyết phục về sức mạnh đoàn kết từ “chuyện bó đũa”.

**Câu 4:** Bài học rút ra từ văn bản:

* Đoàn kết làm nên sức mạnh.
* Sự tương trợ nhau làm nên chỗ dựa vững vàng cho mọi thành viên trong gia đình

**Câu 5:** Người cha trong câu chuyện là người từng trải, hiểu và yêu thương con, khi thấy các con mình mất đoàn kết, ông lo lắng bèn tìm ra cách lấy bó đũa để ngụ ý khuyên các con mình phải biết yêu thương nhau. Qua đó ta cũng thấy được người cha là biểu tượng của con người truyền thống của Việt Nam, yêu thương con, biết đoàn kết, giữ gìn bản sắc dân tộc và nhưng truyền thống tốt đẹp: cần cù, đoàn kết, thương người như thể thương thân,...

\***Câu hỏi viết đoạn:** Đoạn văn cần đảm bảo các yêu cầu:

 **- Hình thức:** đảm bảo về số câu, không được gạch đầu dòng, không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp. Hành văn trong sáng, cảm xúc chân thành;

**- Nội dung:**

**- Giải thích:**

+ Đoàn kết là tập hợp của nhiều lực lượng khác nhau tạo thành một khối vững chãi, từ đó thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ riêng để đi đến thành công. Sự đoàn kết chính là tập thể vững mạnh, khối thống nhất sẽ tạo nên sức mạnh to lớn.

+ Tinh thần đoàn kết là sự gắn kết, sự liên kết bền chặt giữa các cá nhân trong một tập thể để trải qua hoặc hoàn thành những giai đoạn khác nhau của cuộc sống.

* **Ý nghĩa, sức mạnh của tinh thần đoàn kết:**

+ Đoàn kết không chỉ là tập hợp lực lượng thành một khối thống nhất mà phải thống nhất về tư tưởng, hành động, mục tiêu cụ thể.

+ Đoàn kết là các thành viên phải tương trợ, giúp sức lẫn nhau cùng nhau giải quyết các khó khăn, thử thách để đi đến thành công.

+ Đoàn kết là sức mạnh to lớn, chất keo gắn kết còn người tạo nên sức mạnh vượt trội.

+ Tinh thần đoàn kết giúp cho con người cảm thấy bản thân mình không bị lạc lõng, luôn có động lực để phấn đấu tới những điều tốt đẹp hơn.

+ Tinh thần đoàn kết giống như một tấm lá chắn lớn giúp con người vững bước vượt qua những khó khăn, thách thức trong cuộc sống.

**- Bài học nhận thức và hành động:**

+ Cần lên án người không có sự đoàn kết;

+ Làm sao có được sự đoàn kết?

**ĐỀ SỐ 7**

**Đọc văn bản sau và thực hiện yêu cầu:**

**CHÚ RÙA THÔNG MINH**

 *Ngày xưa, ở trên núi Ba Vì có một con hổ rất hung dữ. Mỗi khi bắt được một con vật nào đó thường đùa giỡn làm cho con vật đó khiếp sợ rồi mới ăn thịt. Một hôm, Hổ đang lang thang đi tìm mồi thì nhìn thấy một con Rùa bé nhỏ. Hổ cong đuôi nhảy tới bên cạnh, giơ chân vờn mai Rùa và cất tiếng ồm ồm chế giễu:*

* *Hỡi chú Rùa bé nhỏ, thân hình chú chưa bằng nửa bàn chân của ta, mà cái vỏ chú lại nặng nề thế này thì còn làm ăn gì được. Chú để ta lột cái vỏ này đi cho nhé!*

*Rùa gặp Hổ thì rất sợ hãi, nhưng khi thấy Hổ không ăn thịt mình liền bình tĩnh và nghĩ ra một kế để lừa hổ. Rùa trả lời rằng:*

* *Bác Hổ ạ, tôi tuy bé nhỏ nhưng trong rừng này tôi đều có thể bắt cả các loài thú vật to lớn hơn tôi để ăn thịt đấy.*

*Nghe Rùa nói vậy, Hổ lấy làm lạ, liền hỏi lại:*

* *Này, chú đừng nói láo thế. Nếu chú đã ăn thịt được con nào lớn hơn chú thì cũng phải có gì làm bằng chứng chứ.*

*Rùa ta khạc ngay trong miệng ra một miếng mộc nhĩ mà Rùa thường ăn rồi nói với Hổ:*

* *Bác hãy xem, đây là gan con Voi tôi vừa ăn sáng nay đấy. Tôi bắt được con vật nào cũng chỉ có lá gan là đủ no, chứ không như bác phải ăn cả xương lẫn thịt nhé.*

*Con Hổ chưa ăn mộc nhĩ bao giờ nên tưởng là gan Voi thật, nó hoảng quá, sợ Rùa cũng sẽ bắt nó ăn gan, liền cong đuôi chạy mất.*

(*Hổ và các con vật nhỏ bé*,

*Truyện ngụ ngôn Việt Nam*, trong Thegioicotich.vn)

**\*Câu hỏi đọc hiểu:**

**Câu 1:** Xác định ngôi kể và thể loại của văn bản.

**Câu 2:** Xác định đề tài, nhân vật, không gian, thời gian trong văn bản.

**Câu 3:** Mỗi khi gặp con vật nào đó, Hổ thường làm gì?

**Câu 4:** Khi gặp con vật hung dữ như Hổ, Rùa đã thoát nạn bằng cách nào? Qua đó, em có nhận xét gì về Rùa?

**Câu 5:** Cùng là cuộc đối đầu giữa kẻ yếu và kẻ mạnh, Rùa và Hổ trong truyện ngụ ngôn Việt Nam trên khác gì so với Chiên con và Cáo trong truyện ngụ ngôn của La Phông-ten mà em đã học?

**\*Câu hỏi viết đoạn:** Viết đoạn văn ngắn (khoảng 3-5 câu) để trả lời cho câu hỏi: *Cần làm gì khi đối đầu với kẻ mạnh.*

**Gợi ý làm bài đề số 7**

**\*Câu hỏi đọc hiểu:**

**Câu 1:**

- Ngôi kể: ngôi thứ ba.

- Thể loại: Truyện ngụ ngôn.

**Câu 2:**

* Đề tài: Kẻ mạnh và kẻ yếu – ai là người chiến thắng.
* Nhân vật: Hổ và rùa.
* Không gian: núi Ba Vì.
* Thời gian: Ngày xưa, một hôm.

**Câu 3:** Mỗi khi gặp con vật nào đó, Hổ thường đùa giỡn, làm con vật đó khiếp sợ rồi mới ăn thịt.

**Câu 4:** Khi gặp con vật hung dữ như Hổ, Rùa sợ hãi nhưng vẫn bình tĩnh tìm cách đối phó. Rùa nói với Hổ mình có thể bắt tất cả các con thú to lớn để ăn thịt, sau đó khạc miếng mộc nhĩ trong mồm ra và nói đó là gan con Voi mà Rùa đã ăn thịt để làm bằng chứng.

* Rùa bình tĩnh, thông minh đối phó với kẻ mạnh hơn mình.

**Câu 5:**

- Rùa trong truyện Chú Rùa thông minh bình tĩnh làm chủ tình thế, gợi cuộc đối thoại theo ý của mình. Con Hổ hung dữ nhưng khi nghe lời Rùa nói tưởng thật nên sợ hãi bỏ đi.

- Chiên con trong truyện ngụ ngôn *Chó sói và chiên con* (Truyện ngụ ngôn Ê-dốp) cũng bình tĩnh đối đáp lại câu hỏi của Sói nhưng Sói lí sự cùn, không nghe lời của chiên con, tìm mọi cách buộc tội và ăn thịt chiên con.

**\*Câu hỏi viết đoạn:**

**\*Hình thức:** đảm bảo về số câu, không được gạch đầu dòng, không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp; hành văn trong sáng, trôi chảy.

**\*Nội dung:** Có thể theo một vài ý:

* Bình tĩnh khi phải đối đầu với những nguy hiểm rình rập.
* Khéo léo xử lí, làm chủ câu chuyện của chính mình.
* Tránh xa những nguy hiểm nếu như có thời cơ…

**ĐỀ SỐ 8**

**Đọc văn bản sau và thực hiện yêu cầu:**

**CHÂN, TAY, TAI, MẮT, MIỆNG**

*1.Cô Mắt, cậu Chân, cậu Tay, bác Tai, lão Miệng từ xưa vẫn sống với nhau rất thân thiết. Bỗng một hôm, cô Mắt đến than thở với cậu Chân, cậu Tay rằng:*

*– Bác Tai, hai anh và tôi làm việc mệt nhọc quanh năm, còn lão Miệng chẳng làm gì cả, chỉ ngồi ăn không. Nay chúng ta đừng làm gì nữa, thử xem lão Miệng có sống được hay không.*

*Cậu Chân, cậu Tay cũng nói:*

*– Phải đấy, chúng ta phải đi nói cho lão Miệng biết để lão tự lo lấy. Chúng ta vất vả nhiều rồi. Nay đã đến lúc lão phải tự mình tìm lấy thức ăn, xem lão có làm nổi không.*

*Cô Mắt, cậu Chân, cậu Tay cùng kéo nhau đến lão Miệng. Đi qua nhà bác Tai, họ thấy bác ta đang ngồi im lặng như nghe ngóng điều gì. Cả ba cùng chạy vào cùng nói:*

*– Bác tai ơi, bác có đi với chúng cháu đến nhà lão Miệng không? Chúng cháu đến nói cho lão biết từ nay chúng cháu không làm cho lão ăn nữa. Chúng cháu cũng như bác, lâu nay vất vả nhiều rồi, nay phải nghỉ ngơi mới được.*

*Bác Tai gật đầu lia lịa:*

*– Phải, phải… Bác sẽ đi với các cháu!*

*Bốn người hăm hở1 đến nhà lão Miệng. Ðến nơi, họ không chào hỏi gì cả. Cậu Chân, cậu Tay nói thẳng luôn với lão:*

*– Chúng tôi hôm nay đến không phải để thăm hỏi, trò chuyện gì với ông, mà để nói cho ông biết: từ nay chúng tôi không làm để nuôi ông nữa. Lâu nay, chúng tôi đã cực khổ, vất vả vì ông nhiều rồi.*

*Lão Miệng nghe nói, rất lấy làm ngạc nhiên. Lão nói:*

*– Có chuyện gì muốn bàn với nhau thì hãy vào nhà đã. Làm gì mà nóng nảy thế?*

*Bác Tai, cô Mắt, cậu Chân, cậu Tay đều lắc đầu mà rằng:*

*– Không, không phải bàn bạc gì nữa. Từ nay trở đi, ông phải lo lấy mà sống. Còn chúng tôi, chúng tôi sẽ không làm gì cả. Xưa nay, chúng tôi có biết cái gì ngọt bùi ngon lành mà làm cho cực!*

*Nói rồi cả bọn kéo nhau về.*

*2. Từ hôm đó, bác Tai, cô Mắt, cậu Chân, cậu Tay không làm gì nữa. Một ngày, hai ngày, rồi ba ngày, cả bọn thấy mệt mỏi, rã rời. Cậu Chân, cậu Tay không còn muốn cất mình lên để chạy nhảy vui đùa như trước nữa; cô Mắt thì ngày cũng như đêm lúc nào cũng lờ đờ2, thấy hai mi nặng trĩu như buồn ngủ mà ngủ không được. Bác Tai trước kia hay đi nghe hò nghe hát, nghe tiếng gì cũng rõ, nay bỗng thấy lúc nào cũng ù như xay lúa ở trong. Cả bọn lừ đừ3 mệt mỏi như thế, cho đến ngày thứ bảy thì không chịu được nữa, đành họp nhau lại để bàn.*

*3. Bác Tai nói với cô Mắt, cậu Chân, cậu Tay:*

*– Chúng ta lầm rồi các cháu ạ. Chúng ta nếu không làm cho lão Miệng có cái ăn thì chúng ta sẽ bị tê liệt tất cả. Lão Miệng không đi làm, nhưng lão có công việc là nhai. Như vậy cũng là làm việc chứ không phải ăn không ngồi rồi4. Trước kia sống với nhau thân thiết như thế, nay tự dưng chúng ta gây nên chuyện. Lão Miệng có ăn thì chúng ta mới khỏe khoắn được. Chúng ta nên đến nói lại với lão, các cháu có đi không?*

*Cô Mắt, cậu Chân, cậu Tay cố gượng dậy đi theo bác Tai đến nhà lão Miệng. Ðến nơi, họ thấy lão Miệng cũng nhợt nhạt cả hai môi, hàm răng thì khô như rang, không buồn nhếch mép. Bác Tai, cô Mắt vực lão Miệng dậy. Còn cậu Chân, cậu Tay thì đi tìm thức ăn. Lão Miệng ăn xong dần dần tỉnh lại. Bác Tai, cô Mắt, cậu Chân, cậu Tay tự nhiên thấy đỡ mệt nhọc, rồi thấy trong mình khoan khoái5 như trước. Từ đó*[*lão Miệng, bác Tai, cô Mắt, cậu Chân, cậu Tay*](https://truyendangian.com/chan-tay-tai-mat-mieng/)*lại thân mật sống với nhau, mỗi người một việc, không ai tị6 ai cả.*

(In trong *Tuyển tập Văn học dân gian Việt Nam, Truyện cười-Truyện trạng cười-Truyện ngụ ngôn,*Phan Trọng Thưởng, Nguyễn Cừ (biên soạn, tuyển chọn), NXB Giáo dục, 2007)

**\*Chú giải:**

*(1)Hăm hở:* Dáng bộ hăng hái, muốn thực hiện ngay ý định.

1. *Lờ đờ:* chậm chạp, thiếu tinh nhanh
2. *Lừ đừ:* chậm chạp, mệt mỏi.
3. *Ăn không ngồi rồi:* chỉ ăn, không làm, sống hưởng thụ mà không lao động
4. *Khoan khoái:* cảm giác dễ chịu, thoải mái.
5. *Tị:* so bì, thiệt hơn

**\*Câu hỏi trắc nghiệm:**

**Câu 1.**"*Chân, Tay, Tai, Mắt, Miệng*" là truyện ngụ ngôn:

A. Nhân hóa các bộ phận trên thân thể con người để nói về vị trí quan trọng riêng của mỗi người trong cộng đồng.

B. Ẩn dụ các bộ phận trên cơ thể người để nói về vị trí quan trọng riêng của mỗi người trong cộng đồng.

C. Hoán dụ các bộ phận trên cơ thể người để nói về vị trí quan trọng riêng của mỗi người trong cộng đồng.

D. So sánh các bộ phận trên cơ thể người để nói về vị trí quan trọng riêng của mỗi người trong cộng đồng.

**Câu 2.** Tại sao cô Mắt, cậu Chân, cậu Tay, bác Tai lại so bì với bác Miệng?

A. Họ nhận thấy họ phải làm việc cực nhọc quanh năm, còn lão Miệng không phải làm gì vẫn có cái ăn.

B. Từ lâu họ đã thấy lão Miệng khác họ.

C. Họ không thích tính cách của lão Miệng.

D. Cả B và C đều đúng.

**Câu 3.** Tai, Mắt, Chân, Tay, Miệng tượng trưng cho những con người trong một tổ chức, đúng hay sai?

A. Đúng

B. Sai

**Câu 4.** Truyện mang ý nghĩa gì?

A. Mỗi cá nhân không thể tách khỏi mối quan hệ mật thiết với cộng đồng.

B. Sống trong cộng đồng cần có tinh thần tập thể, một người vì mọi người.

C. Cả A và B đều đúng.

D. A đúng, B sai.

**Câu 5.** Truyện ngụ ngôn không nhất thiết sử dụng yếu tố thần kì, nếu có thì chỉ có thể giúp ta diễn đạt một cách sinh động những khái niệm khô khan, đúng hay sai?

A. Đúng

B. Sai

**Câu 6.** Truyện ngụ ngôn là gì?

A. Truyện có tính chất gây cười.

B. Truyện kể về nguồn gốc dân tộc và những sự kiện lịch sử trong quá khứ.

C. Truyện kể về sự tích các loài vật, đồ vật.

D. Truyện kể về loài vật, đồ vật, cây cối, con người, nhằm đưa ra những bài học khuyên răn con người.

**Câu 7.** Ai là người đưa ra quan điểm: “Nay chúng ta đừng làm gì nữa, thử xem lão Miệng có sống được hay không” đầu tiên?

A. Cậu Tay

B. Cô Mắt

C. Bác Tai

D. Cậu Chân

**Câu 8.** Khi nghe mọi người nói: “Từ nay chúng tôi không làm gì để nuôi ông nữa” thì thái độ của bác Miệng như thế nào?

A. Rất buồn phiền

B. Rất ngạc nhiên

C. Rất đau khổ

D. Rất bình tĩnh

**Câu 9.** Kết thúc của truyện ngụ ngôn này là kết thúc có hậu, do ý thức được bản chất vấn đề, đúng hay sai?

A. Đúng

B. Sai

**\*Câu hỏi tự luận:**

**Câu 1:** Xác định thể loại và phương thức biểu đạt chính của văn bản.

**Câu 2:** Vì sao cô Mắt, cậu Chân, cậu Tay, bác Tai lại so bì với lão Miệng?

**Câu 3:** Hậu quả của việc so bì, tị nạnh đó như thế nào? Họ đã giải quyết hậu quả đó bằng cách nào?

**Câu 4:** Theo em, ai là người nhận thức ra vấn đề và tìm cách giải quyết vấn đề đầu tiên? Vì sao?

**Câu 5:** Truyện mượn các bộ phận cơ thể để nói chuyện con người. Có thể ví cơ thể người như một tổ chức, một cộng đồng… Chân, Tay, Tai, Mắt, Miệng là những cá nhân trong tổ chức, cộng đồng nào đó được không? Từ mối quan hệ này, truyện nhằm khuyên nhủ điều gì?

**\*Câu hỏi viết đoạn và viết bài:**

**Câu 1.**Viết đoạn văn ngắn (5 đến 7 câu) nêu suy nghĩ của em về hậu quả của thói suy bì, tị nạnh trong cuộc sống.

**Câu 2.** Có ý kiến cho rằng: “Từ câu chuyện cãi vã của các bộ phận, Chân, Tay, Tai, Mắt, Miệng đã truyền tải bài học ý nghĩa về tinh thần đoàn kết”. Em hãy phân tích truyện Chân, Tay, Tai, Mắt, Miệng để làm sáng tỏ ý kiến trên

**Gợi ý làm bài đề số 8**

**Câu 1:** Thể loại: Truyện ngụ ngôn.

 Phương thức biểu đạt chính: Tự sự.

**Câu 2:** Vì:

– Cô Mắt, cậu Chân, cậu Tay, bác Tai đều cho rằng họ phải làm việc vất vả để nuôi lão Miệng.

– Còn lão Miệng thì chẳng phải làm gì cả mà chỉ ngồi ăn không.

=> Cô Mắt, cậu Chân, cậu Tay, bác Tai cảm thấy ghen tị, bất bình khi bản thân phải làm việc mệt nhọc để cho lão Miệng hưởng lợi.

**Câu 3**

* Hậu quả: Cả bọn lừ đừ, mệt mỏi, rã rời gần như tê liệt.
* Cách giải quyết: Mọi người đã:

+ Chăm sóc lão Miệng, thái độ tận tình.

+ Cuộc sống đoàn kết, hòa thuận, vui vẻ, khỏe mạnh.

**Câu 4:** Bác Tai nhận ra sai lầm vì là nơi lắng nghe và thấu hiểu.

**Câu 5:** Truyện nêu ra bài học rằng trong một tập thể, mỗi thành viên không thể sống tách biệt mà phải nương tựa vào nhau gắn bó với nhau để cùng tồn tại, do đó phải biết hợp tác với nhau và tôn trọng công sức của nhau.

**\*Câu hỏi viết đoạn và viết bài:**

**Câu 1.**Đoạn văn đảm bảo các yêu cầu:

**\*Hình thức:** Đảm bảo về số câu, không được gạch đầu dòng, không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp, hành văn trong sáng, trôi chảy.

\* **Nội dung:**
 **- MĐ:**Giới thiệu vấn đề nghị luận: Lòng đố kị.

 **- TĐ:**

**+ Giải thích:** Đố kị là sự ghen ghét, không công nhận, thậm chí có suy nghĩ, hành động bài trừ đối với những thành tựu của người khác.Lòng đố kị thể hiện qua những hành động suy nghĩ tỏ ra khó chịu khi người khác hơn mình.

**+ Bàn luận về tác hại của đố lòng kị:**

.)Phá hoại các mối quan hệ của mình cũng như của người khác.

.) Cuộc sống không thoải mái luôn nghĩ cách hãm hại người khác và cũng làm hại cả bản thân.

.) Làm nảy sinh nhiều trạng thái tâm lý tiêu cực, khiến cho bản thân người có lòng đố kị luôn căng thẳng, bức bối, không thoải mái.

**+ Bài học nhận thức và hành động**: Lòng đố kị là tính xấu của con người cần phải loại trừ con người cần có lòng cao thượng khoan dung rộng rãi; Cạnh tranh lành mạnh, cố gắng hết sức để vượt qua khó khăn.

**- KĐ**: Khẳng định lại tác hại của đố kị và liên hệ bài học cho bản thân.

**Câu 2.** Có ý kiến cho rằng: “Từ câu chuyện cãi vã của các bộ phận, Chân, Tay, Tai, Mắt, Miệng đã truyền tải bài học ý nghĩa về tinh thần đoàn kết”. Em hãy phân tích truyện Chân, Tay, Tai, Mắt, Miệng để làm sáng tỏ ý kiến trên.

**a. Mở bài**

- Giới thiệu khái quát về truyện ngụ ngôn (khái niệm, đặc trung nghệ thuật, ý nghĩa…)

- Giới thiệu về truyện “Chân, Tay, Tai, Mắt, Miệng” (tóm tắt, khái quát giá trị nội dung và giá trị nghệ thuật…)

- Nêu ý kiến

**b. Thân bài**

**\*Khái quát nhận định.**

**\*Phân tích:**

**\*Chân, Tay, Tai, Mắt so bì, tị nạnh với lão Miệng**

- Họ kéo nhau đến nhà lão Miệng, đến nơi không chào hỏi, nói thẳng với lão “Từ nay chúng tôi không làm gì để nuôi ông nữa”

**\*Hậu quả về hành động của Chân, Tay, Tai, Mắt**

- Cậu Chân, cậu Tay: không còn muốn cất mình lên để chạy nhảy, vui đùa như trước

- Cô Mắt: ngày cũng như đêm lúc nào cũng lờ đờ, thấy hai mi nặng trĩu như buồn ngủ mà ngủ thì không được

- Bác Tai: nghe tiếng gì cũng không rõ, thấy lúc nào cũng ù ù như xay lúa ở trong

→ Cả hội lừ đừ, mệt mỏi

**\*Cách sửa chữa hậu quả**

- Cả bọn cố gượng dậy đến nhà lão Miệng, vực lão Miệng dậy và tìm thức ăn cho lão

- Cả bọn lại chung sống hòa thuận, mỗi người một việc như trước, không ai tị nạnh ai cả

- Bài học cho bản thân: Từ câu chuyện của Chân, Tay, Tai, Mắt, Miêng, truyện nêu ra bài học: Trong một tập thể, mỗi thành viên không thể sống tách biệt mà phải nương tựa vào nhau, gắn bó với nhau để cùng tồn tại; do đó, phải biết hợp tác với nhau và tôn trọng công sức của nhau

**\*Đánh giá ý kiến**.

**c. Kết bài**

- Khái quát giá trị nội dung và nghệ thuật của văn bản.

**ĐỀ SỐ 9**

**Đọc ngữ liệu sau và trả lời các câu hỏi:**

 *"(1) Một câu chuyện ngụ ngôn kể rằng có người đàn ông rất may mắn, ước gì được nấy. Tuy nhiên, đi kèm với sự may mắn đó là điều kiện: Bất cứ điều gì ông ta ước, người hàng xóm sẽ có gấp đôi. Người đàn ông chấp nhận, bởi lẽ mọi ước mơ được toại nguyện luôn phải đi kèm theo những điều kiện nào đó.*

*Thế là khi ông ta sở hữu ngôi nhà đẹp, người hàng xóm liền có một dinh thự lỗng lẫy. Ông ta ước mình giàu có, người hàng xóm có hẳn một mỏ vàng...Không chịu được sự "bất công" đó, người đàn ông may mắn liền ước mình bị mù một mắt để người hàng xóm bị mù cả hai...*

*(2) Chính lòng đố kị đã tạo nên sự nhỏ nhen, biến thành cảm giác hận thù và suy nghĩ mù quáng cho ông ta: thà kém may mắn hơn một chút để người khác đau khổ hơn mình thay vì chọn điều ngược lại.*

*(3) Lòng đố kị là một tính xấu cần khắc phục. Con người cần phải có lòng cao thượng, rộng rãi, biết vui với thành công của người khác. Tình cảm cao thượng không chỉ giúp con người sống thanh thản, mà còn có tác dụng thúc đẩy xã hội và đồng loại tiến bộ".*

(Trích: *Về những câu chuyện ngụ ngôn*, nguồn Internet)

**\*Câu hỏi đọc hiểu:**

**Câu 1.** Xác định phương thức biểu đạt chính trong đoạn văn (1).

**Câu 2.** Tại sao tác giả ngụ ngôn lại cho rằng "mọi ước mơ được toại nguyện luôn phải đi kèm theo những điều kiện nào đó"?

**Câu 3:** Trong đoạn văn (1) người đàn ông ước những gì? Kết quả ra sao? Em có suy nghĩ gì về ước mơ cuối cùng của người đàn ông trong câu chuyện?

**Câu 4:** Theo em, vì sao lòng đố kị là một tính xấu cần khắc phục?

**Câu 5:** Việc trích dẫn đoạn văn (1) có tác dụng gì trong lập luận của ngữ liệu trên?

**Câu 6.** Em rút ra thông điệp gì tâm đắc nhất từ đoạn ngữ liệu trên? Vì sao?

**\*Câu hỏi viết đoạn:**

Viết đoạn văn (khoảng 5 đến 7 câu) bày tỏ suy nghĩ của em về ý kiến “*Tình cảm cao thượng không chỉ giúp con người sống thanh thản, mà còn có tác dụng thúc đẩy xã hội và đồng loại tiến bộ.”*

**Gợi ý làm bài đề số 9**

**\*Câu hỏi đọc hiểu:**

**Câu 1**. Phương thức biểu đạt chính của đoạn văn (1): Tự sự

**Câu 2.** Tác giả ngụ ngôn cho rằng: mọi ước mơ được toại nguyện luôn phải đi kèm theo những điều kiện nào đó. Bởi vì nó như một quy luật tất yếu: Thành công hay một ước mơ nào đó được toại nguyện trong cuộc sống không phải tự nhiên mà có. Nó phải gắn liền với những điều kiện như tinh thần, nghị lực, niềm tin, mất mát, lòng vị tha, bao dung....

**Câu 3**: Người đàn ông ước và kết quả:

*+ Sở hữu ngôi nhà đẹp -> kết quả ông ta có nhà đẹp và người hàng xóm liền có một dinh thự lỗng lẫy.*

 *+ Ước mình giàu có -> kết quả ông ta giàu có và người hàng xóm có hẳn một mỏ vàng...*

 *+Ước mình bị mù một mắt -> kết quả ông ta bị mù mộ mắt và người hàng xóm bị mù cả hai...*

=> Ước mơ cuối cùng của người đàn ông trong câu chuyện thể hiện thói đố kị, thà chọn điều mang lại hậu quả xấu cho bản thân để người khác đau khổ hơn mình còn hơn chọn những điều mang lại sự tốt đẹp cho mình và mọi người, không chấp nhận người khác hơn mình.

**Câu 4**. Lòng đố kị là một tính xấu cần khắc phục bởi vì nó gây nên nhiều tác hại như:

- Khiến bản thân kẻ đố kị phải sống trong dằn vặt, đau đớn, thậm chí sa vào tội ác.

- Kìm hãm sự phát triển của xã hội và sự tiến bộ của nhân loại...

**Câu 5:** Việc trích dẫn đoạn văn (1) có tác dụng:

- Làm dẫn chứng để cho lập luận thuyết phục, chặt chẽ hơn.

- Làm cho đoạn văn nghị luận không khô khan mà giàu hình ảnh, sinh động hơn.

**\*Câu hỏi viết đoạn:**

     **\*Hình thức:** đảm bảo về số câu, không được gạch đầu dòng, không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp. Hành văn trong sáng, cảm xúc chân thành;

     **\*Nội dung:**

**- Giải thích:** Cao thượng có nghĩa là *"vượt lên trên những điều tầm thường, có tư cách và đạo đức hơn người"* (Từ điển từ và ngữ Việt Nam của Giáo sư Nguyễn Lân). Cao thượng là lối sống đẹp và rất cần thiết trong ứng xử giữa con người với con người.

**- Bình luận, chứng minh:**

* Người có tâm hồn cao thượng là người có đức hi sinh, có đạo đức, có ý chí, lòng quả cảm, sống trung thực, luôn muốn mọi thứ tốt đẹp, có cái nhìn lạc quan, có tấm lòng vị tha, khoan dung, độ lượng, cao cả, đoàn kết, biết chia sẻ lúc khó khăn, hoạn nạn, biết chịu trách nhiệm, biết phấn đấu, vì cộng đồng, sẵn sàng bảo vệ lẽ phải...
* Người có tâm hồn cao thượng sẽ không bao giờ cô đơn vì chân lí luôn đứng về phía họ. Họ có thể chịu thiệt thòi, bị hiểu lầm..., nhưng họ luôn có niềm tin vào con người, vào cuộc sống và vào những điều tốt đẹp nhất. Họ luôn là tấm gương sáng cho mọi thế hệ noi theo, trân trọng và ca ngợi...
* Sống có tình cảm cao thượng sẽ tạo nên sức mạnh làm thay đổi bộ mặt xã hội, tất cả đều hướng thiện, hướng về chân lí, lẽ phải, cái tốt, cái đẹp; làm cho cái xấu, cái ác không có chỗ nương thân...
* Phê phán những người có lối sống ích kỉ, giả dối, lọc lừa, đố kị, vô ơn, vô đạo đức...

**- Bài học nhận thức và hành động:**

* Tình cảm cao thượng là một lối sống đẹp cần được trân trọng, ngợi ca và phát huy.
* Con người hãy sống cao thượng từ những suy nghĩ, hành động nhỏ nhất trong cuộc sống.

**ĐỀ SỐ 10**

**Đọc văn bản và thực hiện yêu cầu:**

**Câu chuyện Sói và Voi**

 Ngày xửa ngày xưa có một anh Sói lười. Nhà cửa của anh, anh chẳng bao giờ quét dọn, sửa sang. Nó bẩn thỉu, rách nát, chỉ chực sụp xuống.

Một hôm, bác Voi đi qua, chẳng may đụng nhẹ vào làm đổ mái nhà anh Sói.

– Xin lỗi anh bạn! – Bác Voi nói với Sói – Tôi sẽ sửa ngay cho anh.

Bác Voi vốn là người giỏi giang, cái gì cũng biết và không sợ công việc. Bác liền lấy búa, đinh, sửa ngay mái nhà cho Sói. Mái nhà trở nên chắc chắn hơn trước…

– Ô hô! – Anh Sói bụng bảo dạ – Rõ ràng là lão ta sợ mình! Thoạt đầu đã phải xin lỗi, sau đó còn sửa lại cả mái nhà. Mình phải bắt lão ta làm cho mình một cái nhà mới mới được! Lão sợ, ắt phải nghe theo!

– Này, đứng lại! – [Sói quát bảo Voi](https://thegioicotich.vn/soi-va-voi/) – Lão làm cái thói gì thế? Lão tưởng có thể bỏ đi một cách dễ dàng thế chắc? Làm đổ nhà người ta, đóng qua loa được mấy cái đinh rồi định chuồn à? Biết điều thì đi làm cho ta một cái nhà mới! Bằng không ta sẽ cho một bài học, đừng hòng mong thấy lại bà con thân thích! Nhanh lên!

Nghe Sói nói những lời ấy, bác Voi không nói gì cả. Bác lẳng lặng quắp ngang bụng Sói ném xuống hố nước bẩn. Rồi đè bẹp dí nhà Sói.

– Này, nhà mới này! – Bác Voi nói rồi đi thẳng.

Tỉnh dậy, Sói ngạc nhiên tự hỏi:

– Mình thật không hiểu gì cả! Lúc đầu lão có vẻ sợ mình, đã xin lỗi tử tế, thế mà sau đó lại hành động thế này… Thật không sao hiểu nổi!

Nhìn thấy hết mọi chuyện, bác Quạ già trên cây nói vọng xuống:

– Chú mày ngu lắm! Chú mày đã không hiểu sự khác nhau giữa người hèn nhát và người được giáo dục tốt.

(*Câu chuyện Sói và Voi,*

*Truyện ngụ ngôn cho bé,*TheGioiCoTich.Vn)

**\*Câu hỏi đọc hiểu:**

**Câu 1**. Xác định ngôi kể và phương thức biểu đạt chính của văn bản.

**Câu 2.**Tác giả ngụ ngôn đã dùng những từ ngữ nào để miêu tả ngôi nhà của Sói?

**Câu 3*.***Khi làm đổ nhà của Sói, bác Voi đã có những hành động như thế nào? Em có nhận xét gì về hành động của bác Voi?

**Câu 4*.*** Sói đã có hành động như thế nào với bác Voi? Sói đã chịu hậu quả ra sao?

**Câu 5.** Câu nói của bác Quạ:“Chú mày ngu lắm! Chú mày đã không hiểu sự khác nhau giữa người hèn nhát và người được giáo dục tốt!” đưa đến cho em bài học gì?

**\*Câu hỏi viết đoạn:** Viết đoạn văn (khoảng 5 đến 7 câu), trình bàysự cần thiết của việc nhận lỗi và sửa lỗi trong đời sống.

**\*GỢI Ý LÀM BÀI ĐỀ SỐ 10**

**\*Câu hỏi đọc hiểu:**

**Câu 1.**

- Ngôi kể: Ngôi thứ ba.

- Phương thức biểu đạt chính: Tự sự.

**Câu 2.** Những từ ngữ miêu tả nhà của Sói: *bẩn thỉu, rách nát, chỉ chực sụp xuống*.

**Câu 3.**

- Khi làm đổ nhà của Sói, bác Voi đã xin lỗi và sửa nhà lại cho Sói.

- Hành động của Voi tử tế, lịch sự, thể hiện là người được giáo dục tốt.

**Câu 4.**

- Sói nghĩ Voi sợ mình nên không chấp nhận lời xin lỗi và căn nhà bác Voi đã sửa, Sói quát tháo, đòi bác Voi làm nhà mới cho mình, doạ nạt bác Voi.

- Hậu quả: Bác Voi lẳng lặng quắp ngang bụng Sói ném xuống hố nước bẩn. Rồi đè bẹp dí nhà Sói.

**Câu 5.** Câu nói của bác Quạ: “Chú mày ngu lắm! Chú mày đã không hiểu sự khác nhau giữa người hèn nhát và người được giáo dục tốt!” đưa đến cho em bài học:

- Nhận biết được sự khác biệt giữa người có giáo dục tốt và kẻ tiểu nhân: người có giáo dục là người dám nhận lỗi và biết sửa lỗi của mình; còn kẻ tiểu nhân là kẻ thiếu sự can đảm nhận sai, luôn tìm mọi cách đổ lỗi cho người khác.

- Khi có lỗi, ta hãy can đảm nhận lỗi và nhận trách nhiệm để sửa chữa những lỗi lầm ấy!

**\*Câu hỏi viết đoạn:**

+ Biết nhận lỗi làm cho mối quan hệ giữa con người với con người trở nên tốt đẹp hơn; dung hoà các mối quan hệ, tránh những mâu thuẫn không đáng có.

+ Việc nhận lỗi và sửa chữa chúng sẽ khiến bản thân ta tốt lên từng ngày, hoàn thiện nhân cách đồng thời lấy lại niềm tin của người khác đối với bản thân mình.

+ Người biết nhận lỗi và sửa lỗi là người biết nhìn nhận thực tế, sẽ được người khác nhìn nhận và đánh giá cao….

**HƯỚNG DẪN TỰ HỌC**

- Hoàn thành các nội dung ôn tập.

- Chuẩn bị cho buổi học sau: Ôn tập Tục ngữ.

*Ngày soạn:*

*Ngày dạy:*

**BUỔI 5:**

**ÔN TẬP TỤC NGỮ**

**A. KIẾN THỨC CƠ BẢN VỀ THỂ LOẠI**

**Câu hỏi:**

1) Nêu khái niệm, đặc điểm về hình thức và nội dung của tục ngữ.

2) Nêu cách đọc VB tục ngữ.

**GỢI Ý ĐÁP ÁN:**

**1. Khái niệm:** Tục ngữ là những câu nói dân gian ngắn gọn, ổn định, có nhịp điệu, hình ảnh, thể hiện những kinh nghiệm của nhân dân về mọi mặt, được nhân dân vận dụng vào đời sống, suy nghĩ và lời ăn, tiếng nói hằng ngày

**\*Hình thức:** ngắn gọn, nhịp nhàng, cân đối, có vần điệu, hình ảnh.

**\*Nội dung:** đúc kết nhận thức về tự nhiên và xã hội, kinh nghiệm về đạo đức, khuyên răn về cách ứng xử trong đời sống.

**2. Cách đọc VB tục ngữ:**

- Đọc kĩ VB để xác định chủ đề của tục ngữ.

- Phát hiện các yếu tố đặc sắc về nghệ thuật như: ngôn ngữ, tiếng, vần, nhịp, cấu trúc, hình tượng, các biện pháp nghệ thuật,..; phân tích những yếu tố đó;

- Phân tích, đánh giá được giá trị nhận thức, văn hoá, giáo dục, thẩm mĩ từ VB;

- Liên hệ để thấy ý nghĩa của VB đối với nhận thức và tình cảm của bản thân, bài học nhận thức từ kinh nghiệm dân gian, tiếp nhận và hiểu thêm về văn hoá dân tộc.

**B. KIẾN THỨC CƠ BẢN VỀ VĂN BẢN**

\*GV yêu cầu HS: Điền thông tin vào bảng sau (theo mẫu):

**TỤC NGỮ VIỆT NAM**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Kinh nghiệm** | **Câu TN** | **Giá trị của TN** |
| *1) Về thời tiết* |  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
| *2) Về lao động sản xuất* |  |  |
|  |  |
|  |  |
| *3) Về giá trị và phẩm giá con người* |  |  |
|  |  |
| *4) Về tu dưỡng học hành* |  |  |
|  |  |
|  |  |
| *4) Về cách ứng xử* |  |  |
|  |  |

**\*GỢI Ý:**

**TỤC NGỮ VIỆT NAM**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Kinh nghiệm** | **Câu TN** | **Ý nghĩa, giá trị của TN** |
| *1) Về thời tiết* | 1. Gió heo may, chuồn chuồn bay thì bão. | - Quan sát thấy dấu hiệu sắp có mưa bão thì lo chằng chống nhà cửa, bảo vệ tài sản,… |
| 2. Kiến cánh vỡ tổ bay ra/ bão táp mưa sa gần tới.  |
| 3. Mây kéo xuống biển thì nắng chang chang, mây kéo lên ngàn thì mưa như trút. |
| 4. Đêm tháng Năm chưa nằm đã sáng/ Ngày tháng Mười chưa cười đã tối. | - Tuỳ theo từng mùa, thời tiết mưa nắng mà sắp xếp công việc cho hợp lí, hiệu quả,… |
| 5. Nắng chóng trưa, mưa chóng tối. |
| *2) Về lao động sản xuất* | 6. Nhất nước, nhì phân, tam cần, tứ giống. | - Các yếu tố rất quan trọng quyết định hiệu quả trong trồng trọt. |
| 7. Nắng tốt dưa, mưa tốt lúa. |
| 8. Làm ruộng ba năm không bằng chăn tằm một lứa. | - Cân nhắc, lựa chọn vật nuôi sao cho đem lại hiệu quả, nâng cao đời sống… |
| *3) Về giá trị và phẩm giá con người* | 9. Người sống hơn đống vàng. | - Đề cao giá trị con người là tài sản, là vốn quý để làm ra tiền bạc. |
| 10. Đói cho sạch, rách cho thơm. | - Đề cao/ khuyên nhủ con người trong mọi hoàn cảnh cần phải biết giữ phẩm giá của mình. |
| *4) Về tu dưỡng học hành* | 11. Không thầy đố mày làm nên. | - Đề cao vai trò của người thầy trong việc thành công của mỗi người. |
| 12. Học thầy chẳng tày học bạn. | - Việc học bạn để mở mang tri thức là vô cùng cần thiết. |
| 13. Muốn lành nghề, chớ nề học hỏi. | - Muốn tinh nghề, giỏi nghề cần không ngừng/ không ngại việc học hành,.. |
| *4) Về cách ứng xử* | 14. Ăn quả nhớ kẻ trồng cây. | - Khuyên nhủ về lẽ sống: khi được hưởng thành quả thì cần ghi nhớ công ơn của người đã tạo ra thành quả… |
| 15. Một cây làm chẳng nên non/ Ba cây chụm lại nên hòn núi cao. | - Khuyên nhủ về tinh thần đoàn kết để làm nên việc lớn… |

**C. LUYỆN ĐỀ NGỮ LIỆU TRONG SGK**

**ĐỀ SỐ 1**

**Đọc các câu tục ngữ sau và trả lời các câu hỏi:**

- *Nhất nước, nhì phân, tam cần, tứ giống.*

*- Đêm tháng năm chưa nằm đã sáng*

*Ngày tháng mười chưa cười đã tối.*

**Câu 1**: Xác định thể loại và phương thức biểu đạt chính của những câu trên.

**Câu 2**: Những câu tục ngữ trên viết về chủ đề gì?

**Câu 3**: Những câu trên có sử dụng cùng một phép tu từ, em hãy cho biết đó là phép tu từ nào? Tại sao trong tục ngữ, nhân dân ta thường sử dụng phép tu từ ấy?

**Câu 4**: Giải thích ý nghĩa câu: "*Đêm tháng năm chưa nằm đã sáng*

 *Ngày tháng mười chưa cười đã tối*”

***Câu 5***: Tìm một câu tục ngữ có cùng chủ đề với những câu tục ngữ trên mà em biết?

**\*Gợi ýđề số 1:**

**Câu 1:**

- Thể loại: Tục ngữ.

- PTBĐ chính: Nghị luận.

**Câu 2:**

- Những câu tục ngữ trên viết về chủ đề: Thiên nhiên và lao động sản xuất.

**Câu 3:**

- Các câu trên cùng sử dụng biện pháp tu từ: điệp ngữ (điệp cấu trúc)

- Trong tục ngữ, nhân dân ta thường sử dụng phép tu từ ấy bởi tục ngữ là những sáng tác dân gian nhằm thể hiện kinh nghiệm đời sống nên sử dụng phép tu từ này sẽ có tác dụng hiệu quả trong nhấn mạnh, tạo ấn tượng, liên tưởng, cảm xúc, tạo nhịp điệu dễ thuộc, dễ nhớ nên nhân dân (ngay cả người lao động) cũng có thể thuận lợi nhớ và áp dụng.

**Câu 4:**

- Ý nghĩa câu: “*Đêm tháng năm chưa nằm đã sáng*

*Ngày tháng mười chưa cười đã tối*”

Dựa trên cơ sở quan sát và trải nghiệm thực tế, câu tục ngữ đưa đến một kinh nghiệm về thời gian: mùa hè ngày dài đêm ngắn hơn, mùa đông ngày ngắn đêm dài hơn giúp con người có ý thức chủ động để sử dụng thời gian hợp lí cho công việc, sức khỏe vào những thời điểm khác nhau trong năm.

**Câu 5:**HS tìm một câu cùng nói về chủ đề thiên nhiên và lao động sản xuất:

+ *Rét tháng ba bà già chết cóng.*

*+ Tháng ba mưa đám, tháng tám mưa cơn.*

*+ Vàng mây thì gió, đỏ mây thì mưa.*

**ĐỀ SỐ 2**

**Câu 1.** Tìm các câu tục ngữ có ý nghĩa tương tự như câu số 9,13,15.

**Câu 2.** Tại sao có thể nói: "Tục ngữ là "túi không dân gian"? (Dựa vào các câu từ 1 đến 8 để chứng minh).

**Câu 3.** Nêu 1 tình huống có sử dụng tục ngữ: *Ăn quả nhớ kẻ trồng cây.* Việc sử dụng tục ngữ trong lời ăn tiếng nói hàng ngày có tác dụng gì?

**\*Gợi ýđề số 2:**

**Câu 1.** Các câu tục ngữ có ý nghĩa tương tự như

**- Câu số 9:** Đề cao giá trị con người hơn của cải vật chất: Người ta là hoa đất; còn người là còn của; của đi thay người; một mặt người bằng mười mặt của.

**- Câu số 13:** Khuyên con người kiên trì học hỏi sẽ đạt thành quả xứng đáng: Ăn vóc, học hay; dốt đến đau học lâu cũng biết; học hay cày biết; hay học thì sang, hay làm thì có; có cày có thóc, có học có chữ,…

**- Câu số 15:** Khẳng định vai trò của đoàn kết, tương trợ lẫn nhau; tinh thần tập thể: lá lành đùm lá rách, cả bè hơn cây nứa, một con ngựa đau, cả tàu bỏ cỏ; góp giá thành bão; ngựa chạy có bầy chim bay có bạn.

**Câu 2.** Có thể nói: "Tục ngữ là "túi không dân gian" vì nó chứa đựng rất nhiều bài học, kinh nghiệm sâu sắc, quý báu…. VD: Tục ngữ đúc kết kinh nghiệm các lĩnh vực về thiên nhiên, về lao động sản xuất, về cách ứng xử,…. Giúp người đọc hiểu được trí tuệ của người đi trước để ứng dụng vào cuộc sống hằng ngày, để sống tốt hơn về mọi mặt,… (Dựa vào các câu từ 1 đến 8 để chứng minh).

**Câu 3.** Nêu tình huống có sử dụng tục ngữ: *Ăn quả nhớ kẻ trồng cây* như: Nhà trường tổ chức cho HS đi viếng nghĩa trang liệt sĩ nhân ngày 27.7 là thể hiện đạo lí *ăn quả nhớ kẻ trồng cây*.

- Việc sử dụng tục ngữ trong lời ăn tiếng nói hàng ngày có tác dụng: nói ít hiểu nhiều, câu nói trở nên gọn gàng, hàm súc hơn, làm đẹp, làm sâu sắc thêm cho cách diễn đạt; thể hiện được vốn văn hoá, hiểu biết của người nói.

**D. LUYỆN ĐỀ NGỮ LIỆU NGOÀI SGK**

**ĐỀ SỐ 1**

**Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi:**

1. *Nực cười châu chấu1 đá xe*

*Tưởng rằng chấu ngã ai dè2 xe nghiêng*

1. *Con sắt đập ngã ông Đùng3*

*Đắp mười chiếc chiếu không cùng bàn tay*

1. *Đèn khoe đèn tỏ hơn trăng,*

*Đèn ra trước gió còn chăng hỡi đèn,*

*Trăng khoe trăng tỏ hơn đèn,*

*Cớ sao trăng lại chịu luồn đám mây.*

(In trong *Tục ngữ, ca dao, dân ca Việt Nam,*

Vũ Ngọc Phan, NXB Văn học, 2005)

\***Chú giải:**

*(1)Châu chấu:* côn trùng cánh thẳng đầu tròn, thân mập, màu nâu và vàng, nhảy giỏi, ăn hại lúa.

1. *Dè:* ngờ rằng.
2. *Ông Đùng:* nhân vật khổng lồ trong truyện thần thoại hoặc truyền thuyết.

**\*Câu hỏi đọc hiểu:**

**Câu 1.** Nội dung của văn bản 1.

**Câu 2**. Chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp tu từ được tác giả dân gian sử dụng trong văn bản 2.

**Câu 3**. Đèn và trăng khoe những điều gì? Thực tế ra sao?

**Câu 4.**Qua văn bản 3, em rút ra bài học gì?

**Câu 5.**Sưu tầm những câu thơ ca dân gian có nội dung liên quan đến bài học “biết người biết ta”.

**\*Câu hỏi viết đoạn:** Viết đoạn văn ngắn (khoảng 5 đến 7 câu) bày tỏ suy nghĩ của em về đức tính khiêm tốn.

**Gợi ý làm bài đề số 1**

**\*Câu hỏi đọc hiểu:**

**Câu 1:** Nội dung của văn bản 1: Từ câu chuyện châu chấu đá xe, tác giả nêu lên kết quả và bài học bất ngờ không phải kẻ thắng lúc nào cũng là kẻ mạnh, kẻ yếu lúc nào cũng thua.

**Câu 2:** Biện pháp tu từ trong văn bản 2:

* Đối lập: con sắt (nhỏ bé) >< ông Đùng (khổng lồ).
* Nói quá:

+ con sắt đập ngã được ông Đùng

* Con sắt nhỏ bé đập được ông Đùng khổng lồ.

+ “Đắp mười chiếc chiếu không cùng bàn tay”

Sự to lớn khổng lồ của ông Đùng

* Tác dụng:

+ Nhấn mạnh cuộc chiến giữa kẻ mạnh và kẻ nhỏ bé hơn. Cuối cùng, chiến thắng thuộc về kẻ yếu hơn.

+ Tăng sức biểu cảm, khắc sâu giá trị nhận thức về nhân vật.

**Câu 3:**

* Đèn:

+ Đèn khoe đèn tỏ hơn trăng.

**+** Thực tế: Đèn ra trước gió ->bị thổi tắt. Đèn chỉ tỏ khi trong căn phòng không gió hoặc bị che chắn cẩn thận.

* **Trăng:**

**+** Trăng khoe trăng tỏ hơn đèn.

+ Thực tế: Trăng gặp mây -> bị che khuất. Trăng chỉ tỏ khi bầu trời quang mây.

**Câu 4:**

 Văn bản 3 đưa ra bài học về sự khoe khoang: Không nên tự xem mình giỏi hơn, hoàn hảo hơn người khác. Điều đó không làm nên giá trị của bạn. Điều làm nên giá trị mỗi con người là “biết người biết ta”.

**Câu 5:** 1.Cậy tài cậy khéo, khoe không

Đừng có cậy của, đa ngôn quá lời

 2. Của thì mặc của ai ơi

Đừng có cậy của coi người như rơm

1. Lươn ngắn lại chê trạch dài

Thờn bơn méo miệng, chê trai lệch mồm.

1. Nói người phải ngẫm đến ta

Thử sờ lên gáy xem xa hay gần

 Nói người phải ngẫm đến thân

 Thử sờ lên gáy xem gần hay xa.

**\*Câu hỏi viết đoạn:** Đoạn văn đảm bảo các yêu cầu:

     **\*Hình thức:** đảm bảo về số câu, không được gạch đầu dòng, không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp. Hành văn trong sáng, cảm xúc chân thành;

     **\*Nội dung:**

**- Mở đoạn:** Giới thiệu đến vấn đề cần nghị luận “đức tính khiêm tốn.”

 **- Thân đoạn:**

 **+ Giải thích:** "Khiêm tốn" là thái độ hài hòa, đúng mực, không khoe khoang, tự mãn về những gì mình có mà luôn nỗ lực học hỏi, tìm tòi để hoàn thiện bản thân.

 **+ Vai trò của đức tính khiêm tốn:**

 .) Khiêm tốn là một đức tính tốt đẹp, nó giúp con người hoàn thiện, tiến bộ từng ngày.

 .) Khiêm tốn chính là chìa khóa và hành trang giúp con người mở ra cánh cửa thành công.

 .) Người có tính khiêm tốn sẽ được mọi người yêu quý, tôn trọng và tin tưởng, nhờ vậy mà họ có những mối quan hệ xã hội tốt đẹp hơn.

 **+ Phản đề:** Trong cuộc sống vẫn có những con người tự cao, tự đại, luôn cho rằng mình hơn người, thậm chí là khoe khoang một cách lố bịch.

 **+ Bài học**: Cần rèn luyện và trang bị cho mình đức tính khiêm tốn.

 **- Kết đoạn:** Khẳng định vai trò của đức tính khiêm tốn.

**ĐỀ SỐ 2**

**Điền vào bảng sau:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu tục ngữ** | **Nghệ thuật** | **Nội dung** | **Bài học, vận dụng** | **Câu TN tương tự** |
| 1. Một mặt người bằng mười mặt của |  |  |  |  |
| 2.Cái răng, cái tóc là góc con người. |  |  |  |  |
| 3. Học ăn, học nói, học gói, học mở. |  |  |  |  |
| 4. Thương người như thể thương thân. |  |  |  |  |

**\*GỢI Ý ĐỀ SỐ 2**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu tục ngữ** | **Nghệ thuật** | **Nội dung** | **Bài học, vận dụng** | **Câu TN tương tự** |
| 1. *Một mặt người bằng mười mặt của* | + So sánh: một mặt người bằng mười mặt của.+ Nhân hóa: “mặt của”+ Gieo vần lưng: mười- người | Mặt người bằng 10 lần của.  | + Phê phán những người chỉ ham của+ Đề cao giá trị của con người.+ An ủi những trường hợp không may mất mát của đi thay người. | + *Người ta là hoa đất.**+ Người sống, đống vàng.**+ Người làm ra của chứ của không làm ra người.**+ Người là vàng của là ngãi.*+ *Lấy của che thân chứ không ai lấy thân che của*. |
| 2.*Cái răng, cái tóc là góc con người.* | - ẩn dụ | Cái răng cái tóc là một phần thể hiện sức khoẻ, hình thức, tư cách của con người. | Câu tục ngữ khuyên chúng ta hãy biết hoàn thiện mình từ những điều nhỏ nhặt nhất. | *Môt yêu tóc bỏ đuôi gà**Hai yêu răng trắng như ngà dễ thương.* |
| 3. *Học ăn, học nói, học gói, học mở*. | - Điệp ngữ, liệt kê | Chúng ta ăn cũng phải học, nói cũng phải học hơn vì cách ăn nói thể hiện rất rõ trình độ văn hóa, nếp sống, tính cách, tâm hồn con người; và phải học để biết làm mọi việc cho khéo tay. | Câu tục ngữ khuyên con người ta muốn sống cho có văn hóa, lịch sự thì phải học từ cái lớn đến cái nhỏ, học hằng ngày. | + *Lời nói chẳng mất tiền mua**Lựa lời mà nói cho vừa lòng nhau.**+ Miếng ăn quá khổ thành tàn.**+ Ăn trông nồi, ngồi trông hướng.* |
| 4. *Thương người như thể thương thân*. | - Hình ảnh so sánh | - Thương người- tình thương đối với người khác được so sánh như thể thương thân- tình thương dành cho mình. | Khuyên con người lấy bản thân mình soi vào người khác, coi người khác như bản thân mình để quý trọng, đồng cảm, thương yêu đồng loại.  | *+ Lá lành đùm lá rách.**+ Bầu ơi thương lấy bí cùng/ Tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn.* |

**ĐỀ SỐ 3**

**Đọc các câu tục ngữ sau và trả lời các câu hỏi:**

 *- Chết trong còn hơn sống đục*

*-  Thương người như thể thương thân.*

*- Học ăn, học nói, học gói, học mở.*

**Câu 1.** Phương thức biểu đạt chính của những câu tục ngữ trên.

**Câu 2.**Liệt kê những phép tu từ đã được sử dụng.

**Câu 3.** Giải thích nghĩa câu tục ngữ: *“Đói cho sạch, rách cho thơm”*

**Câu 4.**Tìm một câu tục ngữ có ý nghĩa tương tự với câu tục ngữ vừa được giải thích ở trên.

**\*Gợi ý đề số 3**

**Câu 1:** PTBĐ chính: Nghị luận.

**Câu 2:** Các phép tu từ được sử dụng: so sánh, điệp ngữ, liệt kê.

**Câu 3:**Ý nghĩa câu: “Đói cho sạch, rách cho thơm”:

+ Nghĩa đen: Dù đói vẫn phải ăn sạch, sống sạch, dù rách vẫn phải thơm tho.

+ Nghĩa bóng: dù rơi vào bất kì hoàn cảnh khó khăn nào vẫn phải sống trong sạch, lương thiện.

* Câu tục ngữ giáo dục con người về lòng tự trọng, khuyên con người phải sống ngay thẳng không bao giờ được làm liều ngay cả khi khó khăn thiếu thốn.

**Câu 4:**HS tìm một câu tục ngữ có ý nghĩa tương tự:

+ *Giấy rách phải giữ lấy lề*

*+ Chết đứng còn hơn sống quỳ*

**ĐỀ SỐ 4**

**Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi:**

1. *Dù ai nói đông nói tây*

*Lòng ta vẫn vững như cây giữa rừng*

*Dù ai nói ngả nói nghiêng*

*Lòng ta vẫn vững như kiềng ba chân*

1. *Lòng ta ta đã chắc rồi*

*Nào ai giục đứng, giục ngồi mà nao*

1. *Đây ta như cây giữa rừng*

*Ai lay chẳng chuyển, ai rung chẳng rời*

**\*Câu hỏi đọc hiểu:**

**Câu 1.** Xác định thể thơ của các văn bản trên.

**Câu 2**. Chỉ ra và phân tích tác dụng của các biện pháp tu từ của văn bản 1.

**Câu 3**. Những văn bản trên đưa đến cho chúng ta bài học gì ?

**Câu 4.** Tìm các câu ca dao, tục ngữ cùng chủ đề bài học trên?

**Câu 5.** Tìm các câu truyện ngụ ngôn cùng chủ đề bài học với các văn bản trên? So sánh điểm giống và khác nhau của các truyện ngụ ngôn đó với các văn bản trên?

**\*Câu hỏi viết đoạn**:

 Viết đoạn văn ngắn (khoảng 3 - 5 câu) để bày tỏ suy nghĩ về việc phải biết giữ vững lập trường.

***Gợi ý làm bài đề số 4***

**\*Câu hỏi đọc hiểu:**

**Câu 1:** Thể thơ: lục bát**.**

**Câu 2:** - Biện pháp so sánh: *Lòng ta vững như cây giữa rừng, kiềng ba chân.*

* Tác dụng:

+ Nhấn mạnh việc sống phải có lập trường vững vàng.

+ Cách nói giàu hình ảnh, giàu giá trị biểu cảm

**Câu 3**: Cả 3 văn bản đều có chung một bài học: Khuyên nhủ con người sống phải có lập trường vững vàng, không nên để bị lung lay, chùn bước trước lời chê bai của người khác; lắng nghe một cách có chọn lọc.

**Câu 4:**

1. *Ai ơi đã quyết thì hành*

*Đã đan thì lận tròn vành mới thôi*

1. *Ai ơi giữ chí cho bền*

*Dù ai xoay hướng đổi nền mặc ai*

**Câu 5:** Truyện ngụ ngôn “*Đẽo cày giữa đường*”

**\*So sánh:**

**- Điểm giống nhau:** Truyện ngụ ngôn “Đẽo cày giữa đường” và các văn bản trên đều có chung chủ đề bài học: Nên giữ vững lập trường, cần biết lắng nghe một cách có chọn lọc.

**- Điểm khác nhau:** chủ yếu do thể loại quy định:

+Truyện ngụ ngôn thuộc thể loại văn xuôi dù ngắn gọn vẫn có đầu có cuối, có sự phát triển của sự việc, câu chuyện, thái độ của người nói thường bộc lộ gián tiếp thông qua việc kể chuyện.

+Các văn bản 1, 2, 3 dù có tình huống, sự việc vẫn là thể loại thơ bộc lộ trực tiếp thái độ, quan niệm của tác giả (ví dụ: dù ai…lòng ta vẫn vững…; lòng ta ta đã chắc…)

**\*Câu hỏi đọc hiểu:** Đoạn văn đảm bảo các yêu cầu:

     **\*Hình thức:** đảm bảo về số câu, không được gạch đầu dòng, không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp. Hành văn trong sáng, cảm xúc chân thành;

     **\*Nội dung:**

* **Mở đoạn:** Giới thiệu vấn đề cần nghị luận: lập trường.

**- Thân đoạn:**

 + Giải thích :Lập trường là quan điểm cá nhân, góc nhìn của mỗi người đối với sự việc, hiện tượng và ý thức bảo vệ quan điểm, ý kiến cá nhân đó.

 + Phân tích: Người sống có lập trường là những người tự tin vào khả năng của mình, hài lòng với ngoại hình của bản thân, không để ý, nhòm ngó cuộc sống của người khác rồi so bì với mình. Họ cũng là những người sống có mục tiêu, kế hoạch, ước mơ và biết phấn đấu, cố gắng, giữ vững lập trường vì mục tiêu đó; không bị tác động từ bên ngoài, có ý kiến, quan điểm riêng và có ý thức bảo vệ quan điểm của mình.

Xã hội phát triển là do sự khác biệt của con người tạo nên, mỗi người một cá tính, mỗi quan điểm, lập trường góp phần làm cho cuộc sống muôn màu muôn vẻ hơn.

 + Chứng minh: Học sinh tự lấy dẫn chứng về những con người sống là chính mình, tự tin về bản thân mình và đạt được nhiều thành công để minh họa cho bài làm của mình.

 + Phản đề: Trong cuộc sống vẫn còn có nhiều người tự ti vào bản thân, hay soi xét cuộc sống của người khác và cố gắng trở thành bản sao của người nào đó. Lại có những người gió chiều nào xoay chiều nấy, không có quan điểm, lập trường,… những người này cần phải xem xét lại bản thân nếu muốn thành công trong cuộc sống.

 - **Kết đoạn:** Khái quát lại vấn đề nghị luận: lập trường; đồng thời rút ra bài học, liên hệ đến bản thân mình.

**HƯỚNG DẪN TỰ HỌC**

- Hoàn thành các nội dung ôn tập.

- Chuẩn bị cho buổi học sau: Ôn tập Thực hành tiếng Việt THÀNH NGỮ.

*Ngày soạn:*

*Ngày dạy:*

**BUỔI 6:**

**THÀNH NGỮ**

**A. KIẾN THỨC CƠ BẢN VỀ LÝ THUYẾT**

**Câu hỏi:**

1) Nêu khái niệm, đặc điểm về hình thức và nội dung nghĩa của thành ngữ. Cho ví dục phân tích.

2) Phân biệt thành ngữ với tục ngữ.

**\*GỢI Ý ĐÁP ÁN:**

**1. Khái niệm:** Thành ngữ là cụm từ cố định, biểu thị một ý nghĩa nào đó nhất định.

- Hình thức:Ngắn gọn, nhịp nhàng, cân đối, có vần điệu, hình ảnh.

- Nội dung:Biểu thị một ý nghĩa nào đó nhất định. Nghĩa của thành ngữ có thể bắt nguồn từ nghĩa đen của các từ tạo nên nó nhưng thường thông qua một số phép chuyển nghĩa như ẩn dụ, so sánh, hoán dụ…

VD: *lên thác xuồng ghềnh*-> Ý nghĩa:sự gian nan, vất vả của cuộc đời, con người.

**2. Phân biệt thành ngữ và tục ngữ**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Phương diện** | **Thành ngữ** | **Tục ngữ** |
| *Cấu tạo và chức năng* | * Là một cụm từ cố định, dùng để tạo câu.
 | * Là một câu hoàn chỉnh, (thường lược chủ ngữ)
 |
| *Nội dung* | * Biểu thị một ý nghĩa hoàn chỉnh nhất định.
 | * Dùng để đúc kết kinh nghiệm, đưa ra lời khuyên nhủ, dạy bảo,…
 |

**B. LUYỆN TẬP THỰC HÀNH**

**Bài tập 1:***Tìm các thành ngữ trong các câu thơ sau:*

Sinh lão bệnh tử một đời,

Năng nhặt chặt bị có thời giàu sang.

Giữa đường đứt gánh dở dang,

Không nơi nương tựa lang thang trên đường.

Sống phải trên kính dưới nhường,

Anh em máu mủ phải thương nhau cùng.

Con dao hai lưỡi đừng dùng,

Đồng tâm hiệp lực ta cùng tiến lên.

Cơm no, áo ấm thì bền,

Ăn cháo đá bát thì nên loại trừ.

Lắm tiền nhiều của con hư,

Thất cơ lỡ vận từ từ sẽ qua.

Đừng nên cưỡi ngựa xem hoa,

Cũng đừng kiếm chuyện làm quà nhiêu khê.

Của nhà lá vườn đừng chê,

Đem con bỏ chợ thì về làm chi.

Năm thì mười họa mấy khi,

Cứlười như hủi lấy gì mà ăn.

Nửa tin, nửa ngờ lăn tăn,

Đi guốc trong bụng thì văn làm gì!

Tha phương cầu thực cứ đi,

Miếng ăn miếng nhục chỉ vì tham lam.

Vinh hoa phú quý đừng ham,

Gieo gió gặp bão vì làm chuyện gian.

Con đàn cháu đống thì nhàn,

Ăn không nói có dễ tan cửa nhà.

Ngồi lê mách lẻo đàn bà,

Cao bay - xa chạy ấy là thằng …"khôn".

**\*Gợi ý đáp án bài tập 1:**

*"Sinh lão bệnh tử"; "Năng nhặt chặt bị"; "Giữa đường đứt gánh"; "Không nơi nương tựa"; "trên kính dưới nhường"; "Anh em máu mủ"; "Con dao hai lưỡi"; "Đồng tâm hiệp lực"; "Cơm no, áo ấm"; "Ăn cháo đá bát"; "Lắm tiền nhiều của"; "Thất cơ lỡ vận"; "cưỡi ngựa xem hoa", "kiếm chuyện làm quà"; "Của nhà lá vườn"; "Đem con bỏ chợ"; "Năm thì mười họa"; "lười như hủi"; "Nửa tin, nửa ngờ"; "Đi guốc trong bụng"; "Tha phương cầu thực"; "Miếng ăn miếng nhục"; "Vinh hoa phú quý"; "Gieo gió gặp bão"; "Con đàn cháu đống";"Ăn không nói có"; "Ngồi lê mách lẻo"; "Cao bay - xa chạy".*

**Bài tập 2: Điền thành ngữ thích hợp vào chỗ chấm để hoàn thành các câu sau:**

a. ....., Huệ mỉm cười chào mọi người.

b. Ai cũng khen chị Ba ..........

c. Viết cẩu thả thì chắc chắn .....

**\*Gợi ý đáp án bài tập 2:**

a. *Mặt tươi như hoa*, Huệ mỉm cười chào mọi người.

b. Ai cũng khen chị Ba *đẹp người đẹp nết*.

c. Viết cẩu thả thì chắc chắn chữ xấu *như gà bới*.

**Bài tập 3:**Chỉ ra và giải nghĩa thành ngữ trong các câu sau:

a. *Biết bao bướm lả ong lơi*

*Cuộc vui suốt tháng, trận cười suốt đêm*.

b. *Thân em vừa trắng lại vừa tròn*

 *Bảy nổi ba chìm với nước non*.

**\*Gợi ý đáp án bài tập 3:**

a. bướm lả ong lơi: chỉ những người cợt nhả,lả lơi.

b. bảy nổi ba chìm: chỉ cuộc đời gian nan, lận đận, lênh đênh, gian truân.

**Bài tập 4:**Trong các trường hợp sau, trường hợp nào là thành ngữ, trường hợp nào là tục ngữ? Dựa trên cơ sở nào mà em phân loại như vậy?

a. Ếch ngồi đáy giếng

b. Uống nước nhớ nguồn

c. Người ta là hoa đất

d. Đẹp như tiên

đ. Cái nết đánh chết cái đẹp

**\*Gợi ý đáp án bài tập 4:**

**- Thành ngữ:**

a. Ếch ngồi đáy giếng

d. Đẹp như tiên

đ. Cái nết đánh chết cái đẹp.

**- Tục ngữ:**

b. Uống nước nhớ nguồn

c. Người ta là hoa đất

- Căn cứ: thành ngữ thường là những cụm từ chỉ có ý nghĩa trọn vẹn khi nằm trong một câu, còn tục ngữ có thể diễn đạt trọn vẹn một ý, một chân lý ngay cả khi nó đứng một mình.

**Bài tập 5:**Sưu tầm thành ngữ mà em biết, sau đó chọn ra 5 thành ngữ và giải thích nghĩa.

**\*Gợi ý đáp án bài tập 5:**

**-** *năng nhặt chặt bị:* kiên trì bền bỉ thì gom góp nhỏ, tích mãi sẽ được nhiều.

- *đem con bỏ chợ:* làm việc không đến nơi đến chốn, thiếu trách nhiệm đến cùng.

- *đi guốc trong bụng:* thấu hiểu mọi suy nghĩ, âm mưu của người khác.

- *ăn cháo đá bát:* sự vong ân, bội nghĩa, sau khi được người khác giúp đã quên ơn, bội bạc.

- *Dã tràng xe cát:* làm việc vô ích, không thể có kết quả như con Dã tràng xe cát ngoài biển, sóng đánh lại tan mọi thứ như ban đầu.

(*ao sâu cá cả, bệnh từ miệng vào, họa từ miệng ra, biết đâu ma ăn cỗ, bụt chùa nhà không thiêng, góp gió thành bão, trứng khôn hơn vịt, lưỡi sắc hơn gươm, thùng rỗng kêu to, trăm nghe không bằng mắt thấy*).

**Bài tập 6:**Đặt câu có sử dụng các thành ngữ: *nước đổ đầu vịt, như hai giọt nước, trắng như tuyết, nghiêng nước nghiêng thành, dời nion lấp biển, lấp biển vá trời, mình đồng da sắt, nghĩ nát óc.*

**\*Gợi ý đáp án bài tập 6:**

1. Nàng có vẻ đẹp *nghiêng nước nghiêng thành.*

2. Đoàn kết sẽ tạo ra sức mạnh *dời non lấp biển.*

3. Công việc *lấp biển vá trời* ấy là công việc của nhiều đời.

4. Những chiến sĩ *mình đồng da sắt* đã chiến thắng.

5. Mình *nghĩ nát óc* mà vẫn chưa giải được bài toán này.

6. Bạn ấy nghe giảng nhiều lần mà không hiểu bài, như *nước đổ đầu vịt*.

7. Tôi không thể phân biệt hai người đó, họ giống nhau *như hai giọt nước*.

8. Hoa ban nở *trắng như tuyết*, phủ kín núi rừng Tây Bắc.

**Bài tập 7:** Xác định thành ngữ và cho biết chúng thuộc thành phần nào trong câu. Nêu tác dụng của việc sử dụng các thành ngữ đó.

a. Được 10 điểm kiểm tra môn Toán, nó vui như Tết

b. Vì không có nhiều thời gian nên chúng tôi cũng chỉ cưỡi ngựa xem hoa thôi.

c. Khi tối lửa tắt đèn, họ luôn giúp đỡ lẫn nhau.

d. Từ đó lũ chuột luôn nhắc rằng chớ có bao giờ tin những kẻ độc ác giả nhân giả nghĩa mà thiệt mạng.

**\*Gợi ý đáp án bài tập 7:**

a. *Vui như Tết* – Thành phần vị ngữ

b. *Cưỡi ngựa xem hoa* – Thành phần vị ngữ

c. *Tối lửa tắt đèn* – Thành phần trạng ngữ.

d. *giả nhân giả nghĩa* - Thành phần vị ngữ

→ Tác dụng: Dùng để nhấn mạnh, bày tỏ tình cảm, cảm xúc một cách rõ ràng, dễ dàng hơn vì thành ngữ mang tính biểu cảm rất cao.

**Bài tập 8:** Hãy viết đoạn văn khoảng 8- 10 câu nêu những điều tốt đẹp em đã tiếp nhận được sau khi đọc những truyện ngụ ngôn, tục ngữ và thành ngữ trong bài học này.

**\*Gợi ý đáp án bài tập 8:**

+ Dùng câu khái quát để nêu giá trị của những truyện ngụ ngôn, tục ngữ và thành ngữ đã học.

+ Giới thiệu một số truyện ngụ ngôn, tục ngữ, thành ngữ.

+ Lần lượt tình bày những bài học, những điều tốt đẹp em học được

**THAM KHẢO**

 (1)Những câu chuyện ngụ ngôn, những câu tục ngữ, thành ngữ đã đem đến cho em nhiều điều tốt đẹp trong cuộc sống. (2)Đó là những bài học nhận thức, ứng xử ở đời mà con người cần thấu hiểu như: cần suy xét đúng sai trước khi quyết định làm điều gì đó ở truyện ngụ ngôn "Đẽo cày giữa đường" hay luôn khiêm tốn và sẵn sàng mở rộng tầm hiểu biết của mình qua câu chuyện "Êch ngồi đáy giếng"...(3)Đó là những đạo lý cao đẹp ngàn đời của dân tộc Việt Nam như: sống biết ơn trong câu tục ngữ "Ăn quả nhớ kẻ trồng cây"; coi trọng con người, phải sống sao cho lương tâm trong sạch "Đói cho sạch rách cho thơm". (4)Tục ngữ còn dạy ta những kinh nghiệm quý báu trong lao động sản xuất, để ta biết vận dụng đem lại thành quả trong công việc: "Nhất nước nhì phân tam cần từ giống". (5)Mỗi lần kiêu căng tự phụ thành ngữ "Ếch ngồi đáy giếng" lại nhắc nhở ta...(6)Chao ôi, trí tuệ dân gian thật đáng khâm phục và tự hào. (7)Mang theo những câu chuyện ngụ ngôn, những câu tục ngữ và thành ngữ làm hành trang bước vào đời, thật quý giá làm sao!

**HƯỚNG DẪN TỰ HỌC**

- Hoàn thành các nội dung ôn tập.

- Chuẩn bị cho buổi học sau: Ôn tập Thực hành tiếng Việt NÓI QUÁ.

*Ngày soạn:*

*Ngày dạy:*

**BUỔI 7:**

**NÓI QUÁ**

**A. KIẾN THỨC CƠ BẢN VỀ LÝ THUYẾT**

**Câu 1.** Thế nào là nói quá? Nêu tác dụng của nói quá.

**Câu 2.** So sánh nói quá và nói khoác.

**1. Khái niệm**

**-** Nói quá là biện pháp tu từ phóng đại mức độ, quy mô, tính chất của sự vật, hiện tượng được miêu tả.

- Tác dụng: nhằm để nhấn mạnh, gây ấn tượng, tăng sức biểu cảm.

**2. So sánh nói quá và nói khoác**

**- Giống nhau**: Nói quá và nói khoác đều là phóng đại mức độ, quy mô, tính chất của sự vật, hiện tượng.

**- Khác nhau:**

+ Nói quá là biện pháp tu từ nhằm mục đích nhấn mạnh, gây ấn tượng, tăng sức biểu cảm.

+ Nói khoác nhằm làm cho người nghe tin vào những điều không có thực. Nói khoác là hành động có tác động tiêu cực.

**B. LUYỆN TẬP THỰC HÀNH**

**Bài tập 1:** Chỉ ra và nêu cách hiểu của em về các từ ngữ được dùng phép nói quá trong các câu sau:

*1.“Nhớ đêm dài ra đi đất trời bốc lửa*

 *Cả đô thành nghi ngút cháy sau lưng”* (Chính Hữu,*Ngày về*)

2. “*Dốc lên khúc khuỷu dốc thăm thẳm*,

*Heo hút cồn mây súng gửi trời”* (Quang Dũng,*Tây Tiến*)

*3. “Gươm mài đá, đá núi cũng mòn*

*Voi uống nước, nước sông phải cạn*” (Nguyễn Trãi,*Đại cáo bình Ngô*)

*4. “Các bô lão là những kẻ quê mùa, chất phác, chưa bao giờ được bước chân vào nơi lầu son gác tía, chưa bao giờ được bàn việc nước, thế mà nghe quan gia hỏi, họ đều nắm tay, gân mặt, khẳng khái tâu lên: Xin đánh, trăm miệng một lời, làm rung chuyển cả một tòa điện Diên Hồng*”

(Nguyễn Huy Tưởng,*Lá cờ thêu sáu chữ vàng*)

5.*Bàn tay ta làm nên tất cả,*

*Có sức người sỏi đá cũng thành cơm*. (Hoàng Trung Thông, *Bài ca vỡ đất*)

6. *Anh cứ yên tâm, vết thương chỉ sượt da thôi. Từ giờ đến sáng em có thể đi lên đến tận trời được*. (Nguyễn Minh Châu, *Mảnh trăng cuối rừng*)

7. […] *Cái cụ bá thét ra lửa ấy lại xử nhũn mời hắn vào nhà xơi nước.*

(Nam Cao, *Chí Phèo*)

**\*Gợi ý đáp án bài tập 1:**

*1. đất trời bốc lửa*: Cảnh khốc liệt của chiến tranh bom đạn.

2. *súng gửi trời”*: nhấn mạnh độ cao hun hút của đồi dốc.

*3. “Gươm mài đá, đá núi cũng mòn/Voi uống nước, nước sông phải cạn*”: Sự trưởng thành lớn mạnh như vũ bão của nghĩa quân Lam Sơn.

*4. trăm miệng một lời, làm rung chuyển cả một tòa điện Diên Hồng*: đoàn kết thống nhất cao.

5. *sỏi đá cũng thành cơm*: thành quả của lao động gian khổ, vất vả, nhọc nhằn; niềm tin vào bàn tay lao động.

 6. *đi lên đến tận trời:* vết thương không có nghĩa lí gì, không phải bận tâm.

 7. *thét ra lửa:* kẻ có quyền sinh, quyền sát đối với người khác

**Bài tập 2:** Tìm 5 thành ngữ so sánh có dùng biện pháp nói quá.

**\*Gợi ý đáp án bài tập 2:**

a.Ngáy như sấm.

b.Trơn như mỡ.

c.Nhanh như cắt.

d.Lúng túng như gà mắc tóc.

e.Lừ đừ như ông từ vào đền.

**Bài tập 3:** Phân tích hiệu quả của các trường hợp sau đây do phép nói quá mang lại.

a. *Người say rượu mà đi xe máy thì tính mạng ngàn cân treo sợi tóc*.

b.*Người sao một hẹn thì nên.*

*Người sao chín hẹn thì quên cả mười*. (Ca dao)

**\*Gợi ý đáp án bài tập 3:**

a. Sử dụng “*ngàn cân treo sợi tóc*” là cách nói hình ảnh phi thực tế để giúp người đọc nhận thức mức độ nguy hiểm một cách cụ thể nhất.

b. Hẹn *chín* mà quên *mười* là hoàn toàn không có trong thực tế. Chính cách nói phóng đại quá sự thật này đã nhấn mạnh thái độ trách móc đối với sự “*quên*” của người hẹn.

**Bài tập 4:** Điền các thành ngữ sau đây vào chỗ trống để tạo biện pháp tu từ nói quá: *bầm gan tím ruột, chó ăn đá gà ăn sỏi, nở từng khúc ruột, ruột để ngoài da, vắt chân lên cổ.*

*a) Ở nơi /…/ thế này, cỏ không mọc nổi nữa là trồng rau, trồng cà.*

*b) Nhìn thấy tội ác của giặc, ai ai cũng /…/*

*c) Cô Nam tính tình xởi lởi, /…/*

*d) Lời khen của cô giáo làm cho nó /…/*

*e) Bọn giặc hoảng hốt /…/ mà chạy.*

**\*Gợi ý đáp án bài tập 4:**

Có thể điền các thành ngữ vào chỗ trống như sau:

**a.**Ở nơi **chó ăn đá gà ăn sỏi** thế này, đến cỏ không mọc nổi nữa là trồng rau, trồng cà.

**b.** Nhìn thấy tội ác của giặc ai ai cũng **bầm gan tím ruột**.

**c.**Cô Nam tính tình xởi lởi **ruột để ngoài da**.

**d.** Lời khen của cô giáo làm cho nó **nở từng khúc ruột.**

**e.**Bọn giặc hoảng hồn **vắt chân lên cổ** mà chạy.

**Bài tập 5.**Tìm năm thành ngữ có dùng biện pháp nói quá và giải thích ý nghĩa của chúng.

**\*Gợi ý đáp án bài tập 5:**

5 thành ngữ dùng biện pháp nói quá:

- *Chậm như rùa*: biểu thi cảm xúc, thái độ chê bai, mỉa mai ai đó làm việc chậm chạp, không hiệu quả.

*- Dời non lấp bể:* thể hiện ý chĩ kiên định, mạnh mẽ một cách phi thường, có thể làm nên việc lớn lao, vĩ đại.

- *Mình đồng da sắt:* thể hiện một sức mạnh phi thường, cứng rắn, có thể chịu được mọi gian lao, vất vả.

- *Lo bạc râu, rầu bạc tóc:* Chỉ những nỗi lo lớn khiến ngoại hình cũng tiều tụy.

- *Cái nết đánh chết cái đẹp:* Nói về đức hạnh quan trọng hơn nhan sắc.

**HƯỚNG DẪN TỰ HỌC**

- Hoàn thiện các bài tập của buổi học.

- Chuẩn bị tiết **Viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống.**

*Ngày soạn:*

*Ngày dạy:*

**BUỔI 7:**

**VIẾT BÀI VĂN NGHỊ LUẬN VỀ MỘT VẤN ĐỀ TRONG ĐỜI SỐNG**

**(TRÌNH BÀY Ý KIẾN TÁN THÀNH)**

**A. ÔN TẬP LÍ THUYẾT**

**1. Tìm hiểu yêu cầu đối với bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống**

- Vấn đế đời sống được nêu để bàn luận phải rõ ràng, xác đáng.

- Nêu được một quan niệm về vấn đề để bàn luận.

- Bài viết phải thể hiện sự tán thành của người viết về quan niệm đã nêu.

- Sự tán thành phải được thể hiện bằng những lí lẽ và bằng chứng cụ thể, có sức thuyết phục.

**2. Dàn ý của bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống**

****

**B. LUYỆN ĐỀ**

**ĐỀ SỐ 1**

**Lời cảm ơn, có phải là biểu hiện của lối sống có văn hoá. Viết bài văn bày tỏ suy nghĩ của em về vấn đề trên.**

**\*GỢI Ý DÀN BÀI ĐỀ 1:**

**\*Hình thức:** Xác định đúng yêu cầu đề và cấu trúc của bài văn nghị luận, đảm bảo bố cục 3 phần, đưa ra lí lẽ, bằng chứng bày tỏ ý kiến một cách thuyết phục.

**\*Nội dung:**

**A. Mở bài:**

- Nêu vấn đề cần bàn luận: Lời cảm ơn và lối sống có văn hoá.

- Ý kiến đáng quan tâm về vấn đề đó: Lời cảm ơn là biểu hiện của lối sống có văn hoá…

**B. Thân bài:**

*1. Trình bày thực chất của ý kiến, quan niệm đã nêu để bàn luận:*

*- Lời cảm ơn* là lời đáp lại người khác thể hiện sự biết ơn của mình với lòng tốt hay sự giúp đỡ của người khác. Nó chính là cách thể hiện tình cảm, lối ứng xử của con người có văn hóa, lịch sự và biết tôn trọng những người xung quanh mình.

*2. Thể hiện thái độ tán thành ý kiến vừa nêu bằng lí lẽ và bằng chứng:*

- Khẳng định ý nghĩa và đưa ra những biểu hiện cũng như vai trò, tác dụng của lời cảm ơn trong cuộc sống:

+ Lời cảm ơn chân thành trong cuộc sống là một điều hết sức cần thiết để tránh rơi vào lối giao tiếp hình thức giả dối hoặc bị giả dối.

+ Lời cảm ơn sẽ giúp ta có những trải nghiệm chân thành, tạo dựng mối quan hệ tốt đẹp trong cuộc sống.

+ Lời cảm ơn là là liều thuốc chữa những căn bệnh tâm lí trong xã hội vật chất, nó truyền cho bạn sự tự tin.

+ Biết cảm ơn giúp chúng ta thêm trưởng thành và đền đáp công ơn giúp chúng ta đạt thành tựu trong cuộc sống và sự nghiệp của mình. Những kẻ vong ơn bội nghĩa không bao giờ có thể nhận lại một kết cục tốt đẹp trong cuộc sống.

- Lấy một số dẫn chứng, những câu chuyện nhỏ trong cuộc sống hay văn học để làm sáng tỏ.

- Phê phán những hành động đi ngược lại lối sống tốt đẹp và văn minh này, đặc biệt trong xã hội ngày nay.

**C. Kết bài:**

- Khẳng định ý kiến mình tán thành và sự cần thiết của vấn đề mình tán thành: *Cảm ơn* là nét sống văn minh của con người có học thức, có giáo dục. *Cảm ơn* hoàn toàn không phải là hình thức phức tạp hóa ứng xử, là sự khách sáo mà nó là một sự cần thiết, là quy tắc giao tiếp giữa con người với con người. Bạn đang tự làm đẹp mình khi biết nói hai từ *cảm ơn*!

- Đưa ra phương hướng và bài học hành động cho bản thân.

**ĐỀ SỐ 2**

**Có ý kiến cho rằng: *“Sống trải nghiệm là lối sống rất cần thiết cho giới trẻ hôm nay”.* Em hãy viết bài văn bày tỏ quan điểm của mình về ý kiến trên.**

**GỢI Ý DÀN BÀI ĐỀ 2:**

**\*Hình thức:** Xác định đúng yêu cầu đề và cấu trúc của bài văn nghị luận, đảm bảo bố cục 3 phần, đưa ra lí lẽ, bằng chứng bày tỏ ý kiến một cách thuyết phục.

**\*Nội dung:**

**A. Mở bài:**

- Nêu vấn đề cần bàn luận: Giới trẻ với lối sống trải nghiệm.

- Ý kiến đáng quan tâm về vấn đề đó: Tầm quan trọng, sự cần thiết của lối sống trải nghiệm đối với giới trẻ.

**B. Thân bài:**

*1. Trình bày thực chất của ý kiến, quan niệm đã nêu để bàn luận:*Trải nghiệm là tự mình trải qua để có được hiểu biết, kinh nghiệm, tích lũy được nhiều kiến thức và vốn sống,...

*2. Thể hiện thái độ tán thành ý kiến vừa nêu bằng lí lẽ và bằng chứng:*

- Khẳng định ý nghĩa và đưa ra những biểu hiện cũng như vai trò, tác dụng của sựtrải nghiệm trong cuộc sống, nhất là với giới trẻ như:

+ Giúp mở rộng, nâng cao sự hiểu biết, kinh nghiệm, có cách nghĩ, cách sống tích cực, biết yêu thương, quan tâm chia sẻ....

+ Trải nghiệm giúp bản thân khám phá ra chính mình để có quyết định đúng đắn, sáng suốt...;

+ Giúp con người sáng tạo, biết cách vượt qua khó khăn, có bản lĩnh, nghị lực....

- Đưa ra một số dẫn chứng thực tế, những câu chuyện nhỏ trong cuộc sống hay văn học để làm sáng tỏ.

- Chỉ ra những tác hại của lối sống thụ động, ỷ lại, nhàm chán, vô ích, đắm chìm trong thế giới ảo (game), các tệ nạn...Đó là những trải nghiệm xấu, tiêu cực vô ích,…

**C. Kết bài:**

- Khẳng định ý kiến mình tán thành và sự cần thiết của vấn đề mình tán thành: Trải nghiệm có vai trò to lớn, cần thiết mang đến cho mỗi người lối sống tích cực, có trải nghiệm thì bản thân mới trưởng thành, sống đẹp...

- Đưa ra phương hướng và bài học hành động cho bản thân.

**ĐỀ SỐ 3**

**Hiện nay, tình trạng ô nhiễm môi trường đang trở nên nghiêm trọng. Hãy viết một bài văn trình bày suy nghĩ của em về vấn đề trên.**

**GỢI Ý DÀN BÀI ĐỀ 3:**

**\*Hình thức:** Xác định đúng yêu cầu đề và cấu trúc của bài văn nghị luận, đảm bảo bố cục 3 phần, đưa ra lí lẽ, bằng chứng bày tỏ ý kiến một cách thuyết phục.

**\*Nội dung:**

**A. Mở bài:**

- Nêu vấn đề cần bàn luận: Ô nhiễm môi trường..

- Ý kiến đáng quan tâm về vấn đề đó: Hiện nay, tình trạng ô nhiễm môi trường đang trở nên nghiêm trọng.

**B. Thân bài:**

*1. Trình bày thực chất của ý kiến, quan niệm đã nêu để bàn luận:*Môi trường là tổng hoà của các yếu tố liên quan trực tiếp đến cuộc sống của chúng ta như đất, nước, không khí,…

*2. Thể hiện thái độ tán thành ý kiến vừa nêu bằng lí lẽ và bằng chứng:*

* Nêu vai trò tầm quan trọng của môi trường;
* Nêu vấn đề ô nhiễm môi trường hiện nay đang trầm trọng, thể hiện thực trạng rất đáng báo động:

+ Môi trường không khí đang bị ô nhiễm hết sức nặng nề.

+ Ô nhiễm môi trường nước.

+ Ô nhiễm môi trường đất.

- Đưa ra một số dẫn chứngquan sát trong thực tế cuộc sống để làm sáng tỏ.

- Chỉ ra những tác hại của ô nhiễm môi trường như sức khoẻ, mĩ quan,…

- Các giải pháp để bảo vệ môi trường.

+ Tuyên truyền những thông tin, kiến thức về vấn đề ô nhiễm môi trường để nâng cao ý thức bảo vệ môi trường của mọi người.

+ Áp dụng khoa học công nghệ để giải quyết tình trạng ô nhiễm môi trường hiện nay.

+ Tích cực trồng và bảo vệ cây xanh, không xả rác bừa bãi, sử dụng sản phẩm tái chế thân thiện với môi trường, sử dụng tiết kiệm điện, nước…

**C. Kết bài:**

- Khẳng định ý kiến mình tán thành và sự cần thiết của vấn đề mình tán thành: Bảo vệ môi trường là bảo vệ chính cuộc sống của chúng ta, đây là một vấn đề cấp bách, cần làm ngay, nên cần ngăn chặn khắc phục sớm tình trạng để môi trường bị ô nhiễm nghiêm trọng như hiện nay...

- Đưa ra phương hướng và bài học hành động cho bản thân.

**ĐỀ SỐ4**

**“*Hiếu thảo với ông bà cha mẹ vốn là một truyền thống văn hóa tốt đẹp của dân tộc ta”.*Viết một bài văn trình bày suy nghĩ của em về ý kiến trên.**

**GỢI Ý DÀN BÀI ĐỀ 4**

**\*Hình thức:** Xác định đúng yêu cầu đề và cấu trúc của bài văn nghị luận, đảm bảo bố cục 3 phần, đưa ra lí lẽ, bằng chứng bày tỏ ý kiến một cách thuyết phục.

**\*Nội dung:**

**A. Mở bài:**

- Nêu vấn đề cần bàn luận: Lòng hiếu thảo với ông bà cha mẹ.

- Ý kiến đáng quan tâm về vấn đề đó: Lòng hiếu thảo với ông bà cha mẹ là một truyền thống tốt đẹp của dân tộc ta.

**B. Thân bài:**

*1. Trình bày thực chất của ý kiến, quan niệm đã nêu để bàn luận:*Lòng hiếu thảo có nghĩa là đối xử tốt với cha mẹ của mình; chăm sóc cha mẹ của mình. Hiếu thảo còn là hành động yêu thương, chăm sóc, phụng dưỡng ông bà, cha mẹ khi già yếu và thờ phụng sau khi họ qua đời.

*2. Thể hiện thái độ tán thành ý kiến vừa nêu bằng lí lẽ và bằng chứng:*

- Đưa ra những biểu hiện cũng như vai trò, ý nghĩa của lòng hiếu thảo:

+ Người có lòng hiếu thảo là người luôn biết cung kính ông bà, cha mẹ; biết vâng lời và làm cho cha mẹ được vui vẻ, tinh thần được an ổn. Họ luôn biết sống đúng chuẩn mực, thực hiện lễ nghi hiếu nghĩa đối với các bậc sinh thành.

+ Trong cuộc sống, lòng hiếu thảo là hành vi cư xử tốt, không chỉ đối với cha mẹ mà còn ở bên ngoài gia đình, để mang lại danh tiếng tốt cho cha mẹ và tổ tiên.

+ Sống có lòng hiếu thảo là lối sống cao đẹp, biết quý trọng công ơn dưỡng dục của ông bà cha mẹ, thể hiện niềm tri ân sâu sắc đối với các bậc sinh thành. Lòng hiếu thảo thể hiện sự bao dung, sống có trách nhiệm.

+ Dân tộc ta từ trước đến nay luôn coi trọng đạo lí sống hiếu thảo với ông bà cha mẹ,..

- Đưa ra một số dẫn chứng thực tế (xưa và nay) trong cuộc sống hay văn học để làm sáng tỏ.

**C. Kết bài:**

- Khẳng định ý kiến mình tán thành và sự cần thiết của vấn đề mình tán thành:Lòng hiếu thảo với ông bà cha mẹ là một truyền thống vô cùng tốt đẹp của dân tộc ta mà ai cũng cần trân trọng, giữ gìn và phát huy,…

- Đưa ra phương hướng và bài học hành động cho bản thân:Biết kính trọng ông bà, cha mẹ; biết chăm sóc, phụng dưỡng ông bà cha mẹ khi tuổi già sức yếu.

**ĐỀ SỐ5**

 **"Tuổi trẻ là tương lai của đất nước".Viết một bài văn bày tỏ suy nghĩ của em về quan niệm trên.**

**GỢI Ý DÀN BÀI ĐỀ 5**

**\*Hình thức:** Xác định đúng yêu cầu đề và cấu trúc của bài văn nghị luận, đảm bảo bố cục 3 phần, đưa ra lí lẽ, bằng chứng bày tỏ ý kiến một cách thuyết phục.

**\*Nội dung:**

**A. Mở bài:**

- Nêu vấn đề cần bàn luận: tuổi trẻ và tương lai đất nước.

- Ý kiến đáng quan tâm về vấn đề đó: Vai trò của tuổi trẻ đối với tương lai của đất nước.

**B. Thân bài:**

*1. Trình bày thực chất của ý kiến, quan niệm đã nêu để bàn luận:*Tuổi trẻ là lứa tuổi thanh niên, thiếu niên; là lứa tuổi được học hành, được trang bị kiến thức và rèn luyện đạo đức, sức khỏe, chuẩn bị cho việc vào đời và làm chủ xã hội tương lai.

*2. Thể hiện thái độ tán thành ý kiến vừa nêu bằng lí lẽ và bằng chứng:*

- Thanh niên học sinh hôm nay sẽ là thế hệ tiếp tục bảo vệ, xây dựng đất nước sau này.

- Vốn tri thức được học và nền tảng đạo đức được nhà trường giáo dục là quan trọng, cơ bản để tiếp tục học cao, học rộng, đem ra thực hành trong cuộc sống khi trưởng thành.

- Một thế hệ trẻ giỏi giang, có đạo đức hôm nay hứa hẹn có một lớp công dân tốt trong tương lai gần. Do đó, việc học hôm nay là rất cần thiết.

- Thế giới không ngừng phát triển, muốn “sánh vai các cường quốc” thì đất nước phải phát triển về khoa học kĩ thuật, văn minh – điều đó do con người quyết định mà nguồn gốc sâu xa là từ việc học tập, tu dưỡng từ thời trẻ.

-Thực tế đã chứng minh, việc học tập của tuổi trẻ tác động lớn đến tương lai đất nước.

- Những người có sự chăm chỉ học tập, rèn luyện khi còn trẻ thì sau này đều có những cống hiến quan trọng cho đất nước.

- Đưa ra một số dẫn chứng thực tế, những câu chuyện nhỏ trong cuộc sống hay văn học để làm sáng tỏ:

+ Ngày xưa: Những người tài như Lí Công Uẩn, Trần Quốc Tuấn, Nguyễn Trãi,… từ thời trẻ đã chăm chỉ luyện rèn, trưởng thành lập những chiến công làm rạng danh cho đất nước.

+ Ngày nay: Chủ tịch Hồ Chí Minh là một tấm gương sáng. Các nhà khoa học xã hội có nhiều đóng góp cho đất nước trong mọi lĩnh vực như nhà bác học Lương Định Của, tiến sĩ Tạ Quang Bửu, anh hùng lao động Trần Đại Nghĩa, …

->Từ xưa đến nay, thế hệ trẻ luôn là lực lượng tiên phong, xông pha vào những nơi gian khổ mà không ngại gian khó, hi sinh.Các thế hệ học sinh, sinh viên ngày nay cũng đang ra sức luyện tài, đã gặt hái được những thành công trong học tập, nghiên cứu khoa học… đó sẽ là tiền đề quan trọng để đưa đất nước phát triển hơn trong tương lai.

- Tuổi trẻ cần góp phần xây dựng tương lai đất nước:

+ Tuổi trẻ cần tập trung trau dồi kiến thức, rèn luyện phẩm chất đạo đức để trở thành người có nhân cách, năng lực.

+ Xây dựng kế hoạch và mục tiêu sống kiên định.

+ Ngay từ khi còn ngồi trên ghế nhà trường phải tập trung học tập.

+ Tích cực tham gia những hoạt động tình nguyện vì cộng đồng; tránh xa các tệ nạn xã hội.

**C. Kết bài:**

- Khẳng định ý kiến mình tán thành và sự cần thiết của vấn đề mình tán thành: Tầm quan trọng của việc học tập, rèn luyện của thế hệ trẻ đối với tương lai của đất nước.

- Đưa ra phương hướng và bài học hành động cho bản thân.

**ĐỀ SỐ 6**

**Viết bài văn trình bày suy nghĩ của em về câu tục ngữ*"Có công mài sắt có ngày nên kim"*.**

**GỢI Ý DÀN BÀI ĐỀ 6**

**\*Hình thức:** Xác định đúng yêu cầu đề và cấu trúc của bài văn nghị luận, đảm bảo bố cục 3 phần, đưa ra lí lẽ, bằng chứng bày tỏ ý kiến một cách thuyết phục.

**\*Nội dung:**

**A. Mở bài:**

- Nêu vấn đề cần bàn luận: Lòng kiên trì, bền bỉ làm nên thành công.

- Ý kiến đáng quan tâm về vấn đề đó: Ông bà ta đã khuyên nhủ điều ấy qua câu tục ngữ "Có công mài sắt có ngày nên kim"

**B. Thân bài:**

*1. Trình bày thực chất của ý kiến, quan niệm đã nêu để bàn luận:* Một thanh sắt to nhưng nếu con người kiên trì, nhẫn nại và quyết tâm thì sẽ rèn thành một cây kim bé nhỏ hữu ích. Cũng như vậy, con người có lòng kiên trì, nhẫn nại, quyết tâm và chăm chỉ chịu khó thì sẽ thành công trong cuộc sống.

*2. Thể hiện thái độ tán thành ý kiến vừa nêu bằng lí lẽ và bằng chứng:*

- Con người có lòng kiên trì và có nghị lực thì sẽ thành công, vì kiên trì và nghị lực sẽ không bỏ dở mà theo đuổi tới cùng dù khó khăn, gian khổ,...

* Nếu con người không có lòng kiên trì và không có nghị lực thì sẽ không thành công.
* Nêu bằng chứng để chứng minh:

+ Trong lịch sử:Nguyễn Hiền,Cao Bá Quát,...

+ Trong kháng chiến: Cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mĩ của dân tộc Việt Nam.

+ Trong thời bình: nhiều tấm gương là thầy giáo, nhà khoa học nổi tiếng như Thầy giáo Nguyễn Ngọc Kí, GS. Ngô Bảo Châu,...

**C. Kết bài:**

- Khẳng định ý kiến mình tán thành và sự cần thiết của vấn đề mình tán thành: Câu tục ngữ khuyên nhủ sâu sắc mọi người cần phải có lòng kiên trì và có nghị lực để vượt qua mọi trở ngại, thành công trong cuộc sống.

- Đưa ra phương hướng và bài học hành động cho bản thân.

**HƯỚNG DẪN TỰ HỌC**

* Hoàn thiện các bài tập vào vở;
* Hoàn thiện lại bài viết theo bảng kiểm;

- Chuẩn bị các nội dung đã ôn tập của bài để luyện đề tổng hợp.

*Ngày soạn:*

*Ngày dạy:*

**BUỔI:**

**ÔN LUYỆN**

 **ĐỀ KIỂM TRA TỔNG HỢP BÀI 6**

**I. Mục tiêu cần đạt**

- HS được rèn kĩ năng làm đề tổng hợp: đọc, viết.

- HS được rèn sự linh hoạt, sáng tạo khi làm bài kiểm tra.

**II. Thiết bị và học liệu**

- Máy chiếu, ti vi, đề kiểm tra in sẵn.

**III. Tổ chức ôn tập**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

\***Cách 1**.GV giao đề ôn tập tổng hợp cho HS. HS làm việc nhóm nhỏ theo bàn.

**\*Cách 2.** GV kiểm tra đề tổng hợp 90 phút. HS làm việc cá nhân.

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**

- GV quan sát, khích lệ HS.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

+ GV gọi HS chữa đề theo từng phần.

+ Tổ chức trao đổi, nêu ý kiến.

+ HS nhận xét lẫn nhau.

**Bước 4: Đánh giá, kết luận**

- GV nhận xét, chốt kiến thức.

**ĐỀ KIỂM TRA**

**MÔN: NGỮ VĂN LỚP 7**

(Thời gian làm bài: 90 phút)

**I. MA TRẬN**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội** **dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | **Tổng****% điểm** |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Truyện ngụ ngôn | **3** | **0** | **5** | **0** | **0** | **2** | **0** |  | **60** |
| **2** | **Viết** | Nghị luận về một vấn đề trong đời sống. | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 40 |
| **Tổng** | ***15*** | ***5*** | ***25*** | ***15*** | ***0*** | ***30*** | ***0*** | ***10*** | **100** |
| **Tỉ lệ %** | **20** | **40%** | **30%** | **10%** |
| **Tỉ lệ chung** | **60%** | **40%** |

**II. BẢN ĐẶC TẢ**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/****Chủ đề** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Truyện ngụ ngôn | **Nhận biết**:- Nhận biết được thể loại, chi tiết tiêu biểu của văn bản.- Nhận biết được sự việc, hành động trong truyện.- Nhận diện được nhân vật, tình huống trong truyện ngụ ngôn.**Thông hiểu**:- Phân tích tác dụng của các chi tiết, hình ảnh tiêu biểu, dấu chấm ba chấm.- Trình bày được tính cách nhân vật thể hiện qua cử chỉ, hành động, qua lời của người kể chuyện. **Vận dụng:**- Rút ra được bài học cho bản thân từ nội dung, ý nghĩa của câu chuyện trong tác phẩm. | 3TN | 5TN | 2TL |  |
|  |
| **2** | **Viết** | Nghị luận về một vấn đề trong đời sống. | **Nhận biết:** Nhận biết được yêu cầu của đề về kiểu văn bản, về vấn đề nghị luận.**Thông hiểu:** Viết đúng về nội dung, về hình thức (Từ ngữ, diễn đạt, bố cục văn bản…)**Vận dụng:** Viết được một bài văn nghị luận về một vấn đề trong cuộc sống. Lập luận mạch lạc, biết kết hợp giữa lí lẽ và dẫn chứng để làm rõ vấn đề nghị luận; ngôn ngữ trong sáng, giản dị; thể hiện được cảm xúc của bản thân trước vấn đề cần bàn luận.**Vận dụng cao:** Có sự sáng tạo về dùng từ, diễn đạt, lựa chọn lí lẽ, dẫn chứng để bày tỏ ý kiến một cách thuyết phục. |  |  |  | 1TL\* |
| **Tổng** |  | **3TN** | **5TN** | **2 TL** | **1 TL** |
| ***Tỉ lệ %*** |  | ***20*** | ***40*** | ***30*** | ***10*** |
| **Tỉ lệ chung** |  | **60** | **40** |

**III. ĐỀ KIỂM TRA**

**PHẦN I. ĐỌC** (6.0 điểm)

**Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi:**

**CON LỪA VÀ BÁC NÔNG DÂN**

(1)*Một ngày nọ,*[*con lừa*](https://truyendangian.com/cau-chuyen-con-lua/)*của một ông chủ trang trại sẩy chân rơi xuống một cái giếng. Lừa kêu la tội nghiệp hàng giờ liền. Người chủ trang trại cố nghĩ xem nên làm gì… Cuối cùng ông quyết định: con lừa đã già, dù sao thì cái giếng cũng cần được lấp lại và không ích lợi gì trong việc cứu con lừa lên cả. Thế là ông nhờ vài người hàng xóm sang giúp mình.*

(2)*Họ xúc đất và đổ vào giếng. Ngay từ đầu, lừa đã hiểu chuyện gì đang xảy ra và nó kêu la thảm thiết. Nhưng sau đó lừa trở nên im lặng. Sau một vài xẻng đất, ông chủ trang trại nhìn xuống giếng và vô cùng sửng sốt. Mỗi khi bị một xẻng đất đổ lên lưng, lừa lắc mình cho đất rơi xuống và bước chân lên trên. Cứ như vậy, đất đổ xuống, lừa lại bước lên cao hơn. Chỉ một lúc sau mọi người nhìn thấy chú lừa xuất hiện trên miệng giếng và lóc cóc chạy ra ngoài.*

(*Con lừa và bác nông dân,TruyenDanGian.com*)

**Câu 1**. Truyện *Con lừa và bác nông dân* thuộc thể loại nào?

A. Truyện thần thoại B. Truyện ngụ ngônC. Truyền thuyết D. Truyện cổ tích

**Câu 2**. Trong đoạn (1) con lừa đã rơi vào hoàn cảnh (tình huống):

A. sẩy chân rơi xuống một cái giếng.

B. đang làm việc quanh cái giếng.

C. bị ông chủ và hàng xóm xúc đất đổ vào người.

D. xuất hiện trên miệng giếng.

**Câu 3*.*** Khi con lừa bị ngã, bác nông dân đã làm gì?

A. Ra sức kéo con lừa lên.

B. Động viên và trò chuyện với con lừa.

C. Ông nhờ những người hàng xóm xúc đất đổ vào giếng.

D. Ông nhờ hàng xóm cùng giúp sức kéo con lừa lên.

**Câu 4*.***Dấu ba chấm trong câu sau có tác dụng gì?

*"Một ngày nọ,*[*con lừa*](https://truyendangian.com/cau-chuyen-con-lua/)*của một ông chủ trang trại sẩy chân rơi xuống một cái giếng. Lừa kêu la tội nghiệp hàng giờ liền. Người chủ trang trại cố nghĩ xem nên làm gì…"*

A. Cho biết sự vật, hiện tượng chưa liệt kê hết.

B. Thể hiện lời nói ngập ngừng, bỏ dở, ngắt quãng.

C. Giãn nhịp điệu câu văn, chuẩn bị cho sự xuất hiện của một từ ngữ biểu thị nội dung bất ngờ, thường có sắc thái hài hước, châm biếm..

D. Thể hiện sự bất ngờ.

**Câu 5**. Vì sao bác nông dân quyết định chôn sống chú lừa?

A.Vì ông thấy phải mất nhiều công sức để kéo chú lừa lên.

B. Vì ông không thích chú lừa.

C.Ông nghĩ con lừa đã già, dù sao thì cái giếng cũng cần được lấp lại và không ích lợi gì trong việc cứu con lừa lên cả.

D. Ông không muốn mọi người phải nghe tiếng kêu la của chú lừa.

**Câu 6**. Theo em, những “xẻng đất” trong văn bản tượng trưng cho điều gì?

A. Những nặng nhọc, mệt mỏi.

B. Những thử thách, khó khăn trong cuộc sống.

C.Là hình ảnh lao động.

D. Là sự chôn vùi, áp bức.

**Câu 7.** Vì sao chú lừa lại thoát ra khỏi cái giếng?

A. Ông chủ cứu chú lừa.

B. Chú biết giũ sạch đất cát trên người để không bị chôn vùi.

C. Chú lừa giẫm lên chỗ đất cát có sẵn trong giếng để thoát ra.

D. Chú liên tục đứng ngày càng cao hơn trên chỗ cát ông chủ đổ xuống để thoát ra.

**Câu 8.** Dòng nào dưới đây, thể hiện đúng nhất về tính cách của chú lừa?

A. Nhút nhát, sợ chết.

B. Bình tĩnh, khôn ngoan, thông minh.

C.Yếu đuối.

D. Nóng vội nhưng dũng cảm.

**Câu 9**. Chỉ ra sự khác nhau trong quyết định của người nông dân và con lừa.

**Câu 10**. Nêu bài học tâm đắc nhất mà em rút ra từ câu chuyện trên.

**PHẦN II. VIẾT** (4.0 điểm)

Viết bài văn trình bày suy nghĩ của em về ý kiến sau:

 *Người thành công luôn tìm thấy cơ hội trong mọi khó khăn. Kẻ thất bại luôn thấy khó khăn trong mọi cơ hội.*

------------------------- Hết -------------------------

**IV. HƯỚNG DẪN CHẤM**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** | **TN** | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
| 1B; 2A; 3C; 4A; 5C; 6B; 7D; 8B | **4,0** |
| **TL** | **Câu 9.** HS nêu được :- Người nông dân: Lúc đầu định giúp lừa ra khỏi giếng, nhưng sau nghĩ lừa già và cái giếng cũng cần được lấp. Vì thế, nhanh chóng buông xuôi, bỏ cuộc.- Con lừa: Lúc đầu kêu la thảm thiết muốn thoát khỏi giếng nhưng rồi đã khôn ngoan, dùng chính những xẻng đất muốn vùi lấp nó để tự giúp nó thoát ra khỏi cái giếng. | **1,0** |
|  | **Câu 10.** Bài học rút ra:VD: Trong bất cứ hoàn cảnh (khó khăn, thử thách nào trong cuộc sông), sự hi vọng, dũng cảm, nỗ lực sẽ đem đến cho chúng ta sức mạnh vì:- Hi vọng giúp chúng ta có tinh thần lạc quan, xóa đi mệt mỏi.- Giúp chúng ta tìm ra cách giải quyết, là động lực giúp chúng ta vượt quan những khó khăn, thử thách…Hoặc: Sự ứng biến trong mọi hoàn cảnh… | **1,0** |
| **II** |  | **VIẾT** | **4,0** |
|  | *a*. *Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận* | 0,25 |
|  | *b. Xác định đúng yêu cầu của đề*.Viết bài văn nghị luận trình bày quan điểm" *Người thành công luôn tìm thấy cơ hội trong mọi khó khăn. Kẻ thất bại luôn thấy khó khăn trong mọi cơ hội ->*có ý chí, nỗ lực vươn lên, vượt qua khó khăn thì sẽ thành công. | 0,25 |
|  | *c. Yêu cầu đối với bài văn nghị luận*:HS có thể trình bày theo nhiều cách, nhưng cần đảm bảo các yêu cầu sau: | 0,5 |
|  | **1. Nêu được vấn đề cần nghị luận và ý kiến đáng quan tâm:** Có ý chí vượt khó sẽ đi đến thành công.**2.Thực chất của ý kiến:***+ Người thành công* là người đạt được mục đích mà mình đặt ra sau một quá trình nỗ lực, cố gắng.*+Kẻ thất bại* là người không thực hiện được những mong muốn, dự định đã đặt ra. +*Cơ hội:*hoàn cảnh thuận tiện gặp được để làm việc gì mình mong ước.->Về thực chất, câu nói khẳng định sự thành bại của mỗi người phụ thuộc vào cách người ấy đón nhận và xử thế trước những vấn đề của đời sống.**3. Thể hiện quan điểm, thái độ:****a. Lí lẽ**- *Thành* và *bại* luôn song hành như một thực thể khách quan. Không ai không từng gặp thất bại, ngay cả những người thành công. (dẫn chứng)- Sự thành bại của mỗi người không chỉ phụ thuộc vào tài năng hay cơ hội mà còn ở thái độ của người đó trước những khó khăn trong cuộc sống: + Với những người giàu nghị lực, mỗi khó khăn là cơ hội để tích lũy kinh nghiệm, kiểm chứng năng lực của bản thân. Và như thế, họ sẽ luôn tìm thấy cơ hội trong mỗi khó khăn để thành công.  + Với những người bi quan, lười biếng khi gặp khó khăn thử thách vội chán nản, tự tìm thấy lí do để thoái thác công việc, từ bỏ ước mơ. Không vượt qua khó khăn càng khiến họ mất hết niềm tin để rồi chỉ thấy khó khăn trong mọi cơ hội. Và chắc chắn họ sẽ luôn thất bại.* Cuộc sống rất khắc nghiệt nhưng luôn ẩn giấu nhiều cơ hội mà mọi người cần nắm bắt.
* Sự thành bại ở một giai đoạn không có ý nghĩa trong suốt cả cuộc đời. Mọi người cần có cách ứng xử trước mọi thành bại để đạt được những điều mình mong ước. Thành công chỉ có được sau quá trình học tập, tích lũy, nỗ lực, rèn luyện lâu dài

- Phê phán thái độ sống hèn nhát, lười biếng, dễ gục ngã, mất niềm tin sau những lần thất bại.**b. Bằng chứng**- Lấy một số nhà khoa học như acximet hàng trăm lần thất bại, Nhiều nhà kinh tế thành công cũng trải qua không biết bao lần thất bại. - Để đi được bằng hai chân, để đạp được xe…ai cũng đã từng thất bại…**4.Khẳng định tính xác đáng của ý kiến và sự cần thiết của ý kiến:**- Cuộc sống vẫn sẽ còn thất bại và thành công, nên cần kiên định về ý chí, không đầu hàng, gục ngã.**-** Cần phải có niềm tin, nghị lực lớn để vượt qua những thử thách khó khăn trong cuộc sống, để luôn tìm thấy cơ hội trong mọi khó khăn.- Không ngại đối mặt với khó khăn. Coi khó khăn, thử thách như một phần tất yếu của cuộc sống.- Luôn hành động mạnh mẽ, quyết đoán để khắc phục khó khăn… | 2.5 |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp*Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. | 0,25 |
|  | *e. Sáng* tạo: Có sự sáng tạo về dùng từ, diễn đạt, lựa chọn lí lẽ, dẫn chứng để bày tỏ ý kiến một cách thuyết phục. | 0,25 |

**HƯỚNG DẪN TỰ HỌC**

**GV yêu cầu HS:**

- Tìm đọc và tham khảo các tài liệu liên quan đến nội dung bài học.

- Học bài ở nhà, ôn tập các nội dung đã học.

- Làm hoàn chỉnh các đề bài.

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

- Chương trình Ngữ văn 2018.

- SGK, SGV *Ngữ văn 7, KNTTVCS*, tập 1, NXB Giáo dục Việt Nam.

- Nội dung công văn 5512/BGD-ĐT.

- Nội dung các Modun tập huấn của Bộ GD&ĐT.

- Một số tài liệu, hình ảnh trên mạng internet.

- *Bồi dưỡng ngữ văn 7*, Thanh Mai (chủ biên), NXB Giáo dục, 2022.